

LỜI MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Chúng ta đang sống trong kỷ nguyên thông tin với mạng internet đã đem đến các tiện ích giúp con người có thể với tới các tài nguyên thông tin không hề vào bất cứ lúc nào mà họ muốn. Trong bối cảnh ấy, liệu thư viện có nên là một ốc đảo chỉ với các ấn phẩm hay không? Hay thư viện sẽ là nơi tiếp tục hành trình hướng đến mục tiêu tiếp cận và tổ chức thông tin cho con người.

Nếu vậy, công nghệ thông tin không phải là một đối thủ cạnh tranh mà là một đối tác, thậm chí là một đối tác chiến lược tin cậy giúp các thư viện đi tới mục tiêu trên. Thư viện hiện đại vì thế phải trở thành hoa tiêu hướng dẫn người dùng tin đến với thế giới thông tin.

Nhân viên thư viện vì thế thực hiện vai trò điều phối giữa một bên là dòng thác thông tin tăng trưởng nhanh chóng và một bên là nhu cầu thông tin của xã hội ngày càng bức thiết và khắt khe. Tiếp cận thông tin trong khu rừng internet, thư viện cần phải tổ chức để thông tin dễ dàng được tìm thấy, mặt khác cũng đòi hỏi việc tổ chức này không hạn chế sự tiếp cận mà càng làm tăng nguồn tài nguyên thông tin.

Thư viện không còn là nơi chôn đống cho người đọc lữ hành qua duy nhất một cánh rừng, đây là cả một hệ thống “lâm sinh” liên thông giữa các thư viện, giữa các khối tri thức.

Thư viện là nơi thông tin được tổ chức, nơi dễ dàng tìm thấy thông tin, và chỉ có giá trị khi có thông tin và có người biến thông tin trở nên hữu ích. Để làm được điều đó, thư viện cần thay đổi nhận thức trong tiếp cận công chúng. Ở nước ta nhận thức rõ vai trò quan trọng của công nghệ thông tin (CNTT), Đảng và Chính phủ đã ban hành nhiều chính sách nhằm tăng cường việc ứng dụng CNTT. Thủ tướng Chính phủ đã ký Quyết định số

81/2001/QĐ-TTg phê duyệt Chương trình hành động triển khai chỉ thị 58-CT/TW của bộ Chính trị về đẩy mạnh ứng dụng CNTT trong sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Trong bối cảnh đó công tác thông tin thư viện cũng đã, đang và sẽ tiếp tục có những biến đổi sâu sắc với sự hiện hữu của môi trường điện tử.

Sự phát triển của CNTT đã ảnh hưởng tới hoạt động thông tin thư viện. Trong bối cảnh bùng nổ thông tin mạnh mẽ hiện nay, không một thư viện hay cơ quan thông tin nào có thể phát triển được mà không ứng dụng các tiến bộ công nghệ, đặc biệt là công nghệ thông tin. Xuất phát từ thực tế đó tôi đã chọn đề tài: ***“Nghiên cứu quá trình ứng dụng công nghệ thông tin tại Trung tâm Thông tin Thư viện Học viện Ngân Hàng”*** làm đề tài khóa luận tốt nghiệp của mình

2. Mục đích nghiên cứu

Thông qua việc tìm hiểu quá trình ứng dụng CNTT tại Trung tâm Thông tin Thư viện Học viện Ngân Hàng, làm rõ những mặt đã đạt được và hạn chế của việc ứng dụng CNTT trong từng khâu công tác tại Trung tâm để từ đó đưa ra đưa các kiến nghị nhằm nâng cao hiệu quả của hoạt động của Trung tâm Thông tin Thư viện Học viện Ngân Hàng.

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

Đối tượng: Quá trình ứng dụng công nghệ thông tin trong các quy trình hoạt động thông tin thư viện tại Trung tâm Thông tin Thư viện Học viện Ngân Hàng.

Phạm vi nghiên cứu: Trung tâm Thông tin Thư viện Học viện Ngân Hàng

4. Phương pháp nghiên cứu

Trong quá trình nghiên cứu hoàn thành khóa luận, tôi đã sử dụng một số phương pháp:

- Nghiên cứu các tài liệu chỉ đạo của Đảng và Nhà nước về đường lối, chính sách phát triển khoa học công nghệ trong công tác thông tin thư viện
- Sưu tầm, thu thập, nghiên cứu các tài liệu về công nghệ thông tin trong công tác thư viện, tham khảo một số khóa luận, luận văn, đề tài nghiên cứu...
- Khảo sát thực tế hoạt động của Trung tâm
- Phương pháp quan sát, điều tra, trao đổi, phỏng vấn, phân tích, tổng hợp, thống kê

5. Tình hình nghiên cứu theo hướng đề tài

Hiện nay các trung tâm thông tin thư viện đang từng bước hiện đại hóa, nhiều trung tâm thông tin, thư viện các trường đại học đang từng bước áp dụng tự động hóa vào các quy trình xử lý thông tin nên vấn đề nghiên cứu quá trình ứng dụng công nghệ thông tin vào các thư viện cũng được rất nhiều người quan tâm. Đề tài nghiên cứu quá trình ứng dụng công nghệ thông tin tại một trung tâm thông tin thư viện đã được nhiều tác giả nghiên cứu. Dưới đây là một số công trình tiêu biểu:

- Đỗ Tiến Vượng (2006) Ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động thông tin – thư viện Trường Đại học Giao thông Vận tải (luận văn thạc sỹ)
- Dương Hồ Điệp (2007) Ứng dụng công nghệ thông tin tại Viện Kinh tế Việt Nam (luận văn thạc sỹ)
- Phạm Thị Mai (2009), Nghiên cứu phát triển thư viện điện tử trong các trường đại học trên địa bàn Hà Nội hiện nay, Luận văn thạc sĩ.
- Các công trình trên đề cập tới một số vấn đề như các khái niệm liên quan đến tài liệu điện tử, tài liệu số, thư viện điện tử, các yếu

tổ cấu thành thư viện điện tử, vai trò của thư viện điện tử, ứng dụng công nghệ thông tin trong thư viện.

- Ngoài ra có một số công trình đã đề cập tới việc ứng dụng các hệ quản trị thư viện tích hợp Libol, IliB trong hoạt động của các thư viện đại học

Tuy nhiên, trong các công trình nêu trên không có công trình nào nghiên cứu trực tiếp một cách toàn diện, hệ thống vấn đề ứng dụng công nghệ thông tin tại Trung tâm Thông tin Thư viện Học viện Ngân Hàng. Do đề tài này vẫn còn khá mới nên tôi đã lựa chọn đề tài ***“Nghiên cứu quá trình ứng dụng công nghệ thông tin tại Trung tâm Thông tin – Thư viện Học viện Ngân Hàng”***.

6. Đóng góp về lý luận và thực tiễn của khóa luận

Về mặt lý luận: Nghiên cứu nhằm đóng góp vào quá trình ứng dụng công nghệ thông tin tại các cơ quan thông tin thư viện nói chung.

Về mặt thực tiễn: Khóa luận nghiên cứu quá trình ứng dụng công nghệ thông tin tại Trung tâm Thông tin – Thư viện Học viện Ngân hàng. Đồng thời đưa ra một số đánh giá, nhận xét và giải pháp nhằm giúp Trung tâm có thể hoàn thiện và nâng cao hiệu quả hoạt động phục vụ người dùng tin của mình.

7. Bố cục bài khóa luận

Ngoài danh mục viết tắt, mục lục, mở đầu, kết luận, tài liệu tham khảo. Nội dung khóa luận gồm 3 chương:

Chương 1: Một số vấn đề chung lý luận về công nghệ thông tin

Chương 2: Ứng dụng công nghệ thông tin tại Trung tâm Thông tin Thư viện Học viện Ngân hàng

Chương 3: Các giải pháp hoàn thiện ứng dụng công nghệ thông tin của Trung tâm Thông tin Thư viện Học viện Ngân hàng

Trong quá trình thực hiện khóa luận, với thời gian và trình độ có hạn, khóa luận còn nhiều thiếu sót và hạn chế, tôi rất mong nhận được sự đóng góp ý kiến của thầy cô và các bạn.

Một lần nữa tôi xin chân thành cảm ơn sự giúp đỡ của các thầy cô Khoa Thông tin – Thư viện, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn Hà Nội, sự tận tình chỉ bảo của Ban giám đốc và các cán bộ tại Trung tâm Thông tin – Thư viện Học viện Ngân hàng đặc biệt là bà Nguyễn Thị Ngọc – Phó Giám đốc Trung tâm. Tôi xin gửi lời cảm ơn tới thầy giáo T.S Nguyễn Viết Nghĩa, người đã tận tình trực tiếp hướng dẫn và chỉ bảo tôi hoàn thành khóa luận này.

CHƯƠNG 1.

MỘT SỐ VẤN ĐỀ CHUNG LÝ LUẬN VỀ CÔNG NGHỆ THÔNG TIN

1.1. Một số khái niệm cơ bản

1.1.1. Khái niệm công nghệ thông tin

Công nghệ thông tin (CNTT): (Tiếng Anh: Information Technology, viết tắt là IT) là ngành sử dụng máy tính và phần mềm máy tính để chuyển đổi, lưu trữ, bảo vệ, xử lý, truyền và thu thập thông tin.

Ở Việt Nam thì khái niệm CNTT được hiểu và định nghĩa trong Nghị định của Chính phủ số 49/CP ký ngày 04/08/1993 về phát triển CNTT như sau: “Công nghệ thông tin là tập hợp các phương pháp khoa học, các phương tiện và công cụ kỹ thuật hiện đại - chủ yếu là kỹ thuật máy tính và viễn thông - nhằm tổ chức khai thác và sử dụng có hiệu quả các nguồn tài nguyên thông tin rất phong phú và tiềm năng trong mọi lĩnh vực hoạt động của con người và xã hội”.

1.1.2. Khái niệm phần cứng

Phần cứng, còn gọi là cương liệu (Tiếng Anh: hardware), là các cơ phận (vật lý) cụ thể của máy tính hay hệ thống máy tính như là màn hình, chuột, bàn phím, máy in, máy quét, vỏ máy tính, bộ nguồn, bộ vi xử lý CPU, bộ mạch chủ, các loại dây nối, loa, ổ mềm, ổ cứng, ổ CD-ROM, ổ DVD, ổ ghi, card mạng,... Hay nói khác đi phần cứng là các thiết bị vật lý đảm bảo cho máy tính hay hệ thống máy tính hoạt động bình thường.

1.1.3. Khái niệm phần mềm

Phần mềm (tiếng Việt còn được gọi là nhu liệu; tiếng Anh: software) là một tập hợp những câu lệnh được viết bằng một hoặc nhiều ngôn ngữ lập trình theo một trật tự xác định nhằm tự động thực hiện một số chức năng hoặc giải quyết một bài toán nào đó.

1.1.4. Các bộ phận cấu thành của công nghệ thông tin

CNTT bao gồm tất cả những bộ phận liên quan đến máy tính (phần cứng, phần mềm), các thiết bị điện tử, đường truyền dữ liệu,... giúp con người thực hiện công việc lưu trữ, truyền tải và xử lý thông tin một cách nhanh chóng và hiệu quả. Nói một cách hình thức, ta có thể xem công nghệ thông tin gồm các bộ phận cấu thành như sau:

- Phần cứng
- Phần mềm
- Công nghệ tổ chức, xử lý, lưu trữ, truyền tải thông tin

1.2. Vai trò của công nghệ thông tin trong hoạt động thông tin thư viện

Trong thời đại ngày nay, sự phát triển bùng nổ của công nghệ thông tin đã tác động lớn đến cuộc sống cũng như sự phát triển của xã hội. Nhận thức rõ tầm quan trọng của của công nghệ thông tin đối với sự phát triển của đất nước Bộ Chính trị đã ban hành chỉ thị số 58-CT/TU về **“Đẩy mạnh công nghệ thông tin phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa”**. Chỉ thị 58 khẳng định *“Ứng dụng và phát triển công nghệ thông tin là một nhiệm vụ ưu tiên trong chiến lược phát triển kinh tế - xã hội, là phương tiện chủ lực để đi tắt đón đầu, rút ngắn khoảng cách phát triển so với các nước đi trước”*.

Công nghệ thông tin đang thay thế dần các phương tiện thủ công, mọi loại hình từ quản trị một bộ máy đến cách thức tiếp nhận kiến thức của mỗi cá nhân... cũng đang từng bước được số hóa. Trong bối cảnh đó, công tác thông tin - thư viện cũng đã, đang và sẽ tiếp tục có những biến đổi sâu sắc với sự hiện hữu của công nghệ thông tin. Áp dụng công nghệ thông tin vào các công đoạn xử lý tài liệu, phục vụ người dùng tin, xây dựng thư viện điện tử đã trở thành xu hướng phát triển của hoạt động thông tin - thư viện toàn cầu. Thư viện điện tử đã giúp cho các thư viện triển khai phục vụ vượt ra khỏi khuôn viên của mình, các giới hạn về hạn chế người sử dụng, hạn chế thời gian phục vụ, hạn chế tài liệu phục vụ đã được vượt qua. Bất cứ người

dùng tin nào, dù ở bất cứ nơi đâu, tại bất kỳ thời điểm nào đều có thể được phục vụ thông tin nếu truy cập vào một thư viện thông qua mạng máy tính. Ứng dụng CNTT trong hoạt động thông tin thư viện là quá trình cải biến quy trình công nghệ tổ chức, xử lý thông tin, tìm kiếm thông tin và phục vụ người dùng tin trên cơ sở sử dụng các phương tiện công cụ tin học và các phương tiện CNTT mới. Nói cách khác là sử dụng kết quả của tin học và viễn thông vào hoạt động thông tin thư viện.

Trong các cơ quan thông tin – thư viện trên thế giới cũng như ở Việt Nam việc ứng dụng CNTT đã trở thành phổ biến và đang được triển khai với tốc độ rất nhanh. Trực tiếp hay gián tiếp, các hoạt động và dịch vụ thông tin thư viện ngày nay đều dựa trên sự hỗ trợ của máy tính điện tử. Chúng ta không thể hình dung được, nếu không có máy tính điện tử, nếu không có mạng internet, intranet các thư viện, các trung tâm thông tin làm thế nào có thể cung cấp kịp thời cho người dùng tin của mình các sản phẩm và dịch vụ thông tin có chất lượng. Chúng ta cũng không thể hình dung được nếu không có các hệ quản trị thư viện tích hợp, không có các phần mềm chuyên dụng để quản lý tài liệu, các thư viện làm thế nào có thể quản lý được một vốn tài liệu khổng lồ và vẫn đang không ngừng gia tăng với tốc độ chóng mặt. Nói vậy để thấy được vai trò đặc biệt quan trọng của công nghệ thông tin và đặc biệt là các phần mềm tích hợp đang phát triển trong những năm gần đây, giúp tự động hóa các hoạt động trong thư viện, nâng cao hiệu quả và chất lượng hoạt động của các thư viện.

Việc ứng dụng CNTT trong hoạt động thông tin thư viện có vai trò và ý nghĩa quan trọng đối với các cơ quan thông tin - thư viện và với cả người sử dụng. CNTT giúp cán bộ thư viện có thể chọn lọc thông tin hữu ích, xử lý tự động công tác nghiệp vụ, giúp người sử dụng có thể khai thác và tìm kiếm thông tin một cách nhanh chóng và hiệu quả. Đồng thời các cơ quan thông tin – thư viện có thể chia sẻ nguồn lực thông tin nhằm nâng cao chất lượng

phục vụ bạn đọc và mở rộng khả năng cung cấp dịch vụ cho bạn đọc. Vì vậy có thể nói, CNTT có những vai trò quan trọng sau đây:

➤ *Đối với các cơ quan thông tin – thư viện:*

- Tổ chức quản lý tài liệu, quản lý bạn đọc, thống kê số lượng bạn đọc, nâng cao năng lực phục vụ và tìm kiếm thông tin trong kho tài liệu một cách hợp lý nhanh chóng và chính xác.

- Thực hiện công tác bổ sung hợp lý và có hiệu quả cao. Các trung tâm có thể dựa vào các CSDL của các nhà xuất bản, các viện nghiên cứu, các cơ quan thông tin thư viện,... cùng với các thông tin về tài liệu để tiến hành bổ sung một cách hợp lý, nhanh chóng và hữu ích.

- CNTT giúp cho việc xử lý tài liệu, trao đổi thông tin một cách nhanh chóng và hiệu quả.

- Thông qua mạng Internet các trung tâm thông tin – thư viện có thể nhận CSDL toàn văn của các tài liệu điện tử một cách nhanh chóng từ các cơ quan khác trong nước và trên thế giới.

- Tổ chức chia sẻ thông tin với các thư viện khác như trao đổi các biểu ghi những tài liệu trùng với các thư viện khác, nhằm giảm chi phí xử lý tài liệu thư mục tài liệu. Tổ chức nhanh chóng việc mượn liên thư viện tạo khả năng để các thư viện liên kết với nhau cùng xây dựng các nguồn lực chung.

- Phục vụ bạn đọc một cách nhanh chóng và hiệu quả thông qua máy tính, các thiết bị điện tử và phần mềm tích hợp.

➤ *Đối với người dùng tin tại thư viện*

- Giúp cho người dùng tin tìm tin được một cách nhanh chóng, chính xác những thông tin mình cần từ các nguồn khác nhau. Với việc sử dụng các từ khóa kết hợp trong hệ thống tra cứu tìm tin tự động trên máy tính giúp người dùng tin tiến hành nhiều phép tìm từ đơn giản đến phức tạp thỏa mãn được các nhu cầu đa dạng về thông tin mình cần.

- CNTT phát triển đã tạo ra nhiều sản phẩm. Và việc ứng dụng CNTT đã giúp cho người dùng tin có điều kiện tiếp cận với nhiều loại hình như CSDL toàn văn trên CD-ROM, CSDL trực tuyến, e-book,... giúp người sử dụng nhanh chóng được tiếp cận với các tri thức mới, mở rộng sự tiếp thu tri thức của nhân loại.

➤ *Đối với cán bộ thư viện*

- Giúp cán bộ thư viện tìm được những tài liệu bạn đọc cần một cách nhanh chóng và chính xác làm giảm thời gian phục vụ của cán bộ thư viện và tiết kiệm thời gian chờ đợi của người dùng tin, người dùng tin được phục vụ một cách nhanh chóng và chính xác hơn.

1.3. Vài nét về ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác thông tin thư viện trên thế giới và tại Việt Nam

❖ *Trên thế giới*

Ứng dụng CNTT vào hoạt động thông tin thư viện bắt đầu được thực hiện vào những năm 50 của thế kỷ XX. Mới đầu chỉ là để quản lý mục lục sách, tạo ra mục lục tự động để tra tìm tài liệu, quản lý công tác bổ sung, quản lý tài chính, tạo lập CSDL thư mục của thư viện. Tiếp đó là tập trung vào việc lưu trữ, tìm kiếm thông tin và tạo lập ra các sản phẩm thông tin thư mục. Sau đó mở dần ra các hoạt động kỹ thuật khác, hoạt động quản lý và lưu thông tài liệu cũng như tổ chức các sản phẩm và dịch vụ thông tin.

Những thuật ngữ của thời đại kỹ thuật số như là: “cổng giao tiếp điện tử”, “dịch vụ chỉ dẫn ảo”, “siêu dữ liệu”,... đã dần trở thành quen thuộc với cộng đồng cán bộ thông tin thư viện. Ngày nay có lẽ khó hình dung hoạt động thông tin thư viện tách rời việc sử dụng máy tính điện tử, kết nối mạng, truy cập Internet, khai thác CSDL trực tuyến và tạp chí điện tử. Internet đã, đang và ngày càng thâm nhập sâu vào hoạt động thông tin thư viện, giúp cho các thư viện riêng biệt kết nối với nhau, khai thác lẫn nguồn thông tin của nhau, nó trở thành công cụ không thể thiếu đối với công tác này.

Sự phát triển mạnh mẽ của CNTT và viễn thông đã dẫn đến sự xuất hiện thư viện điện tử (Electronic library), thư viện số (Digital library), thư viện ảo (Virtual library) và thư viện đa phương tiện (Multimedia library),... Đó có thể coi là thành tựu trong việc ứng dụng CNTT trong hoạt động thông tin thư viện.

❖ Ở Việt Nam

Đầu những năm 80 các thư viện Việt Nam đã bắt đầu ứng dụng CNTT vào công tác thư viện, chủ yếu là sử dụng các chương trình sẵn có để lập các cơ sở dữ liệu thư mục quản lý vốn tài liệu như các chương trình CDS/ISIS hoặc WINISIS.

Đầu những năm 90 đã xuất hiện các mạng cục bộ (LAN) trong các thư viện. Tuy nhiên, công tác ứng dụng tin học trong hoạt động thông tin thư viện mới chỉ được tiến hành triển khai ở một số Trung tâm Thông tin – Thư viện đầu ngành các Trung tâm khoa học lớn như Thư viện Quốc gia Việt Nam, Cục Thông tin khoa học và công nghệ Quốc gia,...

Trong những năm đầu thế kỷ XXI, việc ứng dụng CNTT trong các cơ quan thông tin – thư viện được tiến hành rộng rãi trong các thư viện lớn, nhất là các thư viện hay cơ quan thông tin cấp quốc gia, cấp bộ, các thư viện đại học lớn, hình thành nên nhiều trung tâm học liệu lớn.

Tuy nhiên, việc ứng dụng CNTT chưa được tiến hành đồng bộ. Các thư viện chưa có sự phối hợp trong xử lý tài liệu, tạo lập các CSDL, mỗi thư viện tự xây dựng CSDL cho mình chưa tuân theo chuẩn nhất định, không có sự trao đổi, kết nối giữa các thư viện dẫn đến việc tốn thời gian và công sức của cán bộ thư viện, lãng phí tiền của Nhà nước, thiệt cho người dùng tin.

CHƯƠNG 2.

ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN TẠI TRUNG TÂM THÔNG TIN – THƯ VIỆN HỌC VIỆN NGÂN HÀNG

2.1. Giới thiệu về Trung tâm Thông tin – Thư viện Học viện Ngân hàng

2.1.1. Quá trình hình thành và phát triển của Trung tâm Thông tin

Thư viện Học viện Ngân hàng

Học viện Ngân hàng là Trung tâm đào tạo và nghiên cứu về lĩnh vực ngân hàng của cả nước mà tiền thân là trường Cao cấp Nghiệp vụ Ngân hàng. Sự hình thành và phát triển của Trung Tâm – Thông tin Thư viện cũng gắn liền với sự phát triển của học viện.

Hoạt động thư viện đã được bắt đầu ngay từ những ngày mới thành lập Trường Cao cấp Nghiệp vụ Ngân hàng tuy với quy mô còn rất nhỏ bé. Ngoài việc phục vụ báo và tài liệu tham khảo, thời gian này Thư viện còn kiêm cả việc quản lý kho giáo trình, tổ chức cho mượn giáo trình đối với học viên các khoá đào tạo; biên chế thư viện chỉ có 1 người, sinh hoạt cùng phòng Giáo vụ.

Năm 1985, Trường Cao cấp Nghiệp vụ Ngân hàng thành lập phòng Nghiên cứu khoa học và bộ phận Thư viện, theo quyết định của Ban giám hiệu nhà trường, đã được chuyển từ phòng Giáo vụ về phòng Nghiên cứu khoa học với biên chế 3 người. Công tác chủ yếu vẫn là phục vụ sách báo tham khảo cho cán bộ, học sinh. Việc cho mượn giáo trình đối với học sinh do phòng Giáo vụ đảm nhận.

Năm 1992, Ngân hàng Nhà nước ra quyết định sát nhập Viện Tiền tệ - Tín dụng với Trường Cao cấp Nghiệp vụ Ngân hàng để thành lập Trung tâm Đào tạo và Nghiên cứu khoa học Ngân hàng. Viện Nghiên cứu Tiền tệ - Tín dụng Ngân hàng được đổi tên thành Viện Khoa học Ngân hàng, là một bộ phận trong Hội sở chính của Trung

tâm đào tạo. Lúc này bộ phận thư viện của Trường Cao cấp Nghiệp vụ Ngân hàng được sát nhập với phòng Tư liệu của Viện Tiền tệ - Tín dụng Ngân hàng để hình thành nên Phòng Tư liệu - biên dịch (thuộc Viện Khoa học Ngân hàng).

Năm 1996, thực hiện chỉ thị của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về việc nâng cấp và nâng tầm thư viện của Trung tâm tương xứng với yêu cầu đào tạo và nghiên cứu khoa học, phục vụ yêu cầu đào tạo cán bộ có trình độ sau và trên đại học ngành ngân hàng trong giai đoạn đổi mới hoạt động ngân hàng phù hợp với cơ chế thị trường.

Từ tháng 2/1998, sau khi Học viện Ngân hàng được thành lập, phòng Tư liệu - Biên dịch được đổi tên là Phòng Tư liệu - Thư viện và Xuất bản - là một đơn vị trực thuộc Viện Nghiên cứu Khoa học Ngân hàng (trước đây là Viện Khoa học Ngân hàng).

Trên cơ sở định hướng phát triển của Học viện về lâu dài, học tập kinh nghiệm của các trường đại học khác trong nước, với mục đích không ngừng đẩy mạnh hoạt động thông tin - tư liệu - thư viện phục vụ công tác học tập, giảng dạy và NCKH, từ tháng 3/2004 phòng Tư liệu - Thư viện và Xuất bản thuộc Viện Nghiên cứu Khoa học Ngân hàng đã được Giám đốc Học viện chuyển thành Trung tâm Thông Tin - Thư Viện thuộc Học viện.

Đến nay, hoạt động thông tin - tư liệu và thư viện của Trung tâm về cơ bản đã hoàn thành nhiệm vụ chủ yếu được giao và có đóng góp đáng kể vào thành tích đào tạo chung của Học viện. Trung tâm đã và đang dần trở thành nơi cung cấp thông tin, kiến thức bổ sung cho cán bộ giảng viên và sinh viên, tạo nên những tiền đề thiết thực cho việc dạy tốt, học tốt. Từ năm học 2008, Học viện thực hiện đào tạo theo hệ thống tín chỉ, Thư viện đã trở thành giảng đường thứ 2 của người học,

nhu cầu mở rộng phòng đọc, tạo thêm hình thức phục vụ, sản phẩm và dịch vụ mới đã ngày càng cần thiết.

2.1.2. Chức năng, nhiệm vụ của Trung tâm Thông Tin - Thư Viện

Học viện Ngân Hàng

Cũng giống như các trung tâm thông tin – thư viện đại học khác, Trung tâm TT –TV HVNH là đơn vị sự nghiệp có chức năng là nơi cung cấp thông tin, tài liệu cho cán bộ giảng viên và học sinh của Học viện Ngân hàng, phục vụ hoạt động giảng dạy, học tập, đào tạo, nghiên cứu khoa học, triển khai ứng dụng tiến bộ khoa học, công nghệ và quản lý của Học viện thông qua việc sử dụng, khai thác các loại hình tài liệu trong thư viện và các nguồn tin khác.

Trung tâm Thông tin – Thư viện Học viện Ngân Hàng có nhiệm vụ:

- Tham mưu giúp Giám đốc Học viện xây dựng quy hoạch, kế hoạch hoạt động dài hạn và ngắn hạn của thư viện; tổ chức điều phối toàn bộ hệ thống thông tin, thư viện trong Học viện.

- Bổ sung, phát triển nguồn thông tin trong nước và nước ngoài đáp ứng nhu cầu giảng dạy, học tập, nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ của Học viện; Thu nhận các tài liệu do Học viện xuất bản, các công trình nghiên cứu khoa học đã được nghiệm thu, tài liệu hội thảo, khoá luận, luận văn thạc sỹ, luận án tiến sỹ của cán bộ, giảng viên, sinh viên, học viên, chương trình đào tạo, giáo trình, các ấn phẩm tài trợ, biếu tặng, tài liệu trao đổi giữa các thư viện.

- Tổ chức xử lý, sắp xếp, lưu trữ, bảo quản các loại tài liệu; Xây dựng hệ thống tra cứu thích hợp, thiết lập mạng lưới truy cập và tìm kiếm thông tin tự động hoá; Xây dựng cơ sở dữ liệu.

- Tổ chức phục vụ, hướng dẫn người đọc khai thác, tìm kiếm, sử dụng hiệu quả nguồn tài liệu và các sản phẩm dịch vụ thông tin – thư viện thông qua các hình thức phục vụ của thư viện phù hợp với quy định chung.

- Xây dựng quy hoạch, kế hoạch, tổ chức bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ, ngoại ngữ, tin học cho cán bộ thư viện để phát triển nguồn nhân lực có chất lượng nhằm nâng cao hiệu quả công tác.

- Quản lý cán bộ, tài sản theo sự phân cấp của Giám đốc Học viện; bảo quản, kiểm kê định kỳ vốn tài liệu, cơ sở vật chất kỹ thuật và tài sản khác của Trung tâm Thông tin - Thư viện; tiến hành thanh lọc ra khỏi kho các tài liệu lạc hậu, hư nát theo quy định của Học viện và của Nhà nước.

- Tham gia các hội nghề nghiệp, các hội nghị, hội thảo khoa học về thông tin thư viện trong nước và quốc tế; Liên kết hợp tác với các thư viện, tổ chức cá nhân trong nước và nước ngoài về tiếp nhận tài trợ, viện trợ, trao đổi nguồn lực thông tin, kinh nghiệm chuyên môn, tham gia các mạng thông tin phù hợp với quy định của Học viện và pháp luật.

- Tổ chức các hoạt động dịch vụ có thu phù hợp với quy định của pháp luật và chức năng nhiệm vụ được giao.

- Thực hiện chế độ báo cáo theo quy định.

- Thực hiện các nhiệm vụ khác do Giám đốc Học viện giao.

2.1.3. Cơ cấu tổ chức, đội ngũ cán bộ của Trung tâm Thông tin Thư viện Học viện Ngân Hàng

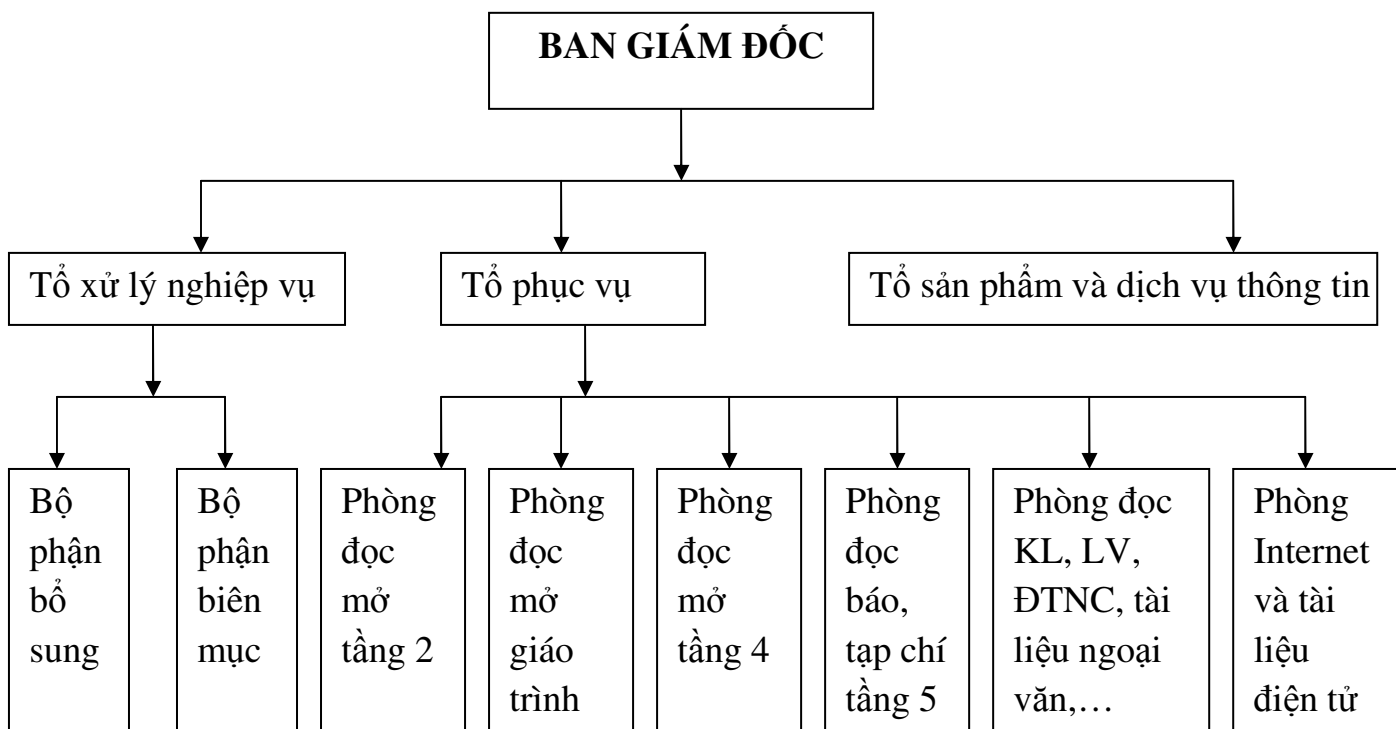
- ***Cơ cấu tổ chức:***

Trung tâm có cơ cấu tổ chức hành chính chặt chẽ và khoa học bao gồm: tổ bổ sung và biên mục, tổ nghiệp vụ và tổ sản phẩm và dịch vụ thông tin, dưới sự chỉ đạo của lãnh đạo Trung tâm theo nguyên tắc thống nhất và phối hợp hoạt động.

- Ban giám đốc: gồm có 1 giám đốc và 1 phó giám đốc. Giám đốc chịu trách nhiệm trước Hiệu trưởng và điều hành mọi hoạt động của Trung tâm. Phó giám đốc trực tiếp đôn đốc truyền tải các hoạt động với cán bộ của Trung tâm.

- Tổ xử lý nghiệp vụ: có 3 cán bộ có trình độ chuyên môn nghiệp vụ chuyên thực hiện các hoạt động bổ sung các loại tài liệu phù hợp với nhu cầu nghiên cứu, giảng dạy và học tập của người dùng tin và tiến hành xử lý tài liệu.

- Tổ phục vụ bạn đọc: có 9 cán bộ thư viện có nhiệm vụ giới thiệu nguồn tài liệu và phục vụ người dùng tin. Ngoài ra còn có 2 cán bộ chịu trách nhiệm phục vụ gửi đồ, quản lý sinh viên ra vào Trung tâm.



Sơ đồ cơ cấu tổ chức của Trung tâm Thông tin – Thư viện

Học viện Ngân hàng

- *Đội ngũ cán bộ:*

Trung tâm Thông tin – Thư viện Học viện Ngân hàng hiện có tổng số 17 cán bộ (2 nam và 15 nữ) trong đó có: 02 thạc sĩ chuyên ngành thông tin thư viện; 01 thạc sĩ chuyên ngành toán tin học; 10 cử nhân chuyên ngành thông tin thư viện (có 04 cán bộ đang học tiếp cao học); 02 cử nhân các ngành khác; 2 cán bộ trung cấp. Độ tuổi của các cán bộ thư viện còn khá trẻ (trên 80% cán bộ thư viện có độ tuổi 25 – 35) có trình độ chuyên môn nghiệp vụ vững vàng, có sẵn năng lực, luôn sẵn sàng tiếp thu cái mới và là động lực lớn trong xu thế hội nhập và phát triển.

2.1.3. Người dùng tin của Trung tâm Thông tin Thư viện Học viện

Ngân Hàng

Đối tượng người dùng tin của Trung tâm tương đối đa dạng về trình độ ở nhiều cấp khác nhau. Có thể chia người dùng tin của Trung tâm thành những nhóm cơ bản sau:

- *Nhóm cán bộ quản lý:* bao gồm ban giám hiệu, các cán bộ lãnh đạo của Đảng và Nhà nước, các trưởng phó khoa, bộ môn, các phòng ban chức năng, các tổ chức, ... trực thuộc Học viện. Tuy số lượng không lớn nhưng đặc biệt quan trọng vì học vừa là người dùng tin, vừa là chủ thể thông tin. Họ vừa thực hiện chức năng quản lý giáo dục đào tạo, vừa là người xây dựng các chiến lược phát triển của Học viện.

- *Nhóm cán bộ nghiên cứu, giảng dạy:* Học viện có khoảng 100 cán bộ giảng dạy. Họ có trình độ cao, có học hàm học vị, tham gia trực tiếp công tác giảng dạy và nghiên cứu khoa học theo từng chuyên ngành.

- *Nhóm sinh viên và học viên cao học, nghiên cứu sinh:* Đây là nhóm người dùng tin đông đảo nhất, là những người đang theo học các chương trình đào tạo theo các chuyên ngành khác nhau của Học viện (với số lượng khoảng 15000 sinh viên và 250 học viên sau đại học) họ tham gia nghiên cứu

khoa học hàng năm chính họ cũng là những người tạo ra nguồn tài liệu nội sinh cho thư viện.

2.1.5. Nguồn lực thông tin của Trung tâm Thông tin – Thư viện Học viện Ngân Hàng

Trung tâm Thông tin – Thư viện Học viện Ngân hàng với có vốn tài liệu khá phong phú, cụ thể:

- Sách: hiện tại Trung tâm có khoảng 6051 tên sách chủ yếu là các loại giáo trình, sách tham khảo tiếng Việt. Về nội dung kho sách của Trung tâm chủ yếu là các tài liệu kinh tế, chính trị, tiền tệ, ngân hàng, văn hoá, xã hội... Ngoài số sách tiếng Việt, Trung tâm có khoảng 286 tên sách ngoại văn, sách tập có 4 bộ, sách bộ có 2 bộ.

- Ấn phẩm định kỳ : có 102 đầu tài liệu trong đó có 55 loại báo và 42 loại tạp chí còn lại là các ấn phẩm khác với nội dung tương đối phong phú và đa dạng.

- Nguồn tài liệu nội sinh: được tạo ra trong quá trình hoạt động đào tạo của nhà trường, phản ánh đầy đủ có hệ thống, tiềm năng, thế mạnh, các thành tựu khoa học cũng như định hướng phát triển của Học viện. Đây là nguồn thông tin hữu ích phục vụ học tập, giảng dạy nghiên cứu khoa học của cán bộ, giảng viên, học viện và sinh viên gồm có: 100 luận án tiến sĩ, 963 luận văn thạc sĩ, 2268 khóa luận tốt nghiệp, 327 kỷ yếu khoa học và đề tài nghiên cứu khoa học.

Từ cuối năm 2009 Trung tâm cũng mới bắt đầu tiến hành làm đĩa CD đến đầu tháng 9 năm 2010 Trung tâm bắt đầu tiến hành số hoá tài liệu và cho đến nay Trung tâm đã số hoá được: 26 luận án, 76 đề tài nghiên cứu khoa học, 50 luận văn, 21 khoá luận.

Trung tâm cũng đã rất chú ý đến nguồn thông tin điện tử, các CSDL on-line. Trung tâm đã chủ động liên hệ với các Nhà xuất bản trong và ngoài nước để xin cung cấp miễn phí một số tài liệu. Đặc biệt trong năm 2007, 2008 và 2010, Trung tâm đã liên hệ và được Nhà xuất bản Emerald (Anh) cho phép cán bộ, giáo viên và sinh viên Học viện truy cập miễn phí để khai thác các CSDL điện tử on-line về lĩnh vực kinh tế, tài chính - ngân hàng, giúp tiết kiệm được 1 khoản kinh phí không nhỏ (khoảng 1400 USD/tháng) cho Học viện.

Từ đầu tháng 4 /2008, Trung tâm đã tiếp nhận và đưa vào khai thác 1 CSDL sách điện tử mới E-Brary với thời hạn truy cập 3 năm (4/2008 – 4/2011). Đây là một CSDL sách điện tử toàn văn với hơn 40.000 đầu sách thuộc lĩnh vực tài chính - ngân hàng và quản trị - kinh doanh được tập hợp từ hơn 170 Nhà xuất bản danh tiếng và trường đại học lớn trên thế giới. Tổng kinh phí để mua quyền truy cập và sử dụng CSDL này khoảng 13.000 USD/năm.

Toàn bộ số tài liệu có trong Thư viện đã biên mục các chuẩn nghiệp vụ hiện đại (Khung phân loại DDC, khổ mẫu MARC 21, qui tắc biên mục Anh - Mỹ), giúp hình thành các phòng đọc tự chọn để tạo tối đa khả năng tiếp cận nguồn thông tin - tư liệu cho bạn đọc, tạo khả năng trao đổi và liên thông dữ liệu giữa các thư viện của các trường đại học và các thư viện khác trong toàn quốc.

Trung tâm đã và đang xây dựng CSDL để hình thành nguồn dữ liệu điện tử, giúp người dùng tin (NDT) có thể truy cập và tìm kiếm thông tin từ xa.

2.1.6. Giới thiệu về cơ sở vật chất - kỹ thuật của Trung tâm Thông tin – Thư viện Học viện Ngân Hàng

Kể từ tháng 9 năm 2006, Trụ sở Trung tâm Thông tin – Thư viện Học viện Ngân hàng là một khu riêng biệt với ngôi nhà 7 tầng có tổng diện tích sử dụng trên 1600 m², được trang bị đồng bộ để phục vụ cho người dùng tin (NDT) và các hoạt động nghiệp vụ.

- Hệ thống máy tính cho sinh viên truy cập Internet: 37 máy trong đó có 36 máy cho sinh viên sử dụng và 01 máy dành cho việc quản lý
- Phòng máy tính cho giáo viên truy cập Internet: 12 máy
- Hệ thống máy tính tra cứu: 06 máy
- Hệ thống máy tính dùng cho các bộ phận nghiệp vụ: 08 máy

Tất cả các máy tính này đều được nối mạng với máy chủ của Học viện. Các phòng làm việc và phòng máy tính đều được trang bị cả đầu phát tín hiệu Wireless để phục vụ cho việc truy cập không dây vào mạng LAN. Đồng thời, Trung tâm cũng được trang bị riêng 1 đường ADSL để phục vụ cho việc kết nối hệ thống máy tính với mạng Internet.

Từ tháng 7 năm 2010, Trung tâm sử dụng Phần mềm Ilib 4.0 của Công ty TNHH giải pháp phần mềm CMC trong các hoạt động chuyên môn thư viện.

- Các thiết bị hỗ trợ hoạt động nghiệp vụ: máy in, máy scan, máy photocopy, đầu đọc mã vạch,...(máy in laser: 05 chiếc, máy Scan Epson 02 chiếc, máy photocopy: 01 chiếc)

- Hệ thống giá sách, thang lấy sách, xe đẩy sách mới, hiện đại.
- Hệ thống bàn đọc, ghế ngồi dành cho bạn đọc được trang bị phù hợp với tiêu chuẩn của thư viện hiện đại. Hiện nay các phòng đọc

cùng một lúc có thể đáp ứng đủ chỗ ngồi cho gần 400 độc giả, với đầy đủ ánh sáng, hệ thống quạt mát, quạt thông gió.

Ngoài ra, Trung tâm còn được lắp đặt hệ thống thang máy, tủ gửi đồ phục vụ bạn đọc, hệ thống báo cáo cháy tự động. Trung tâm đã tiến hành đánh chỉ từ vào tài liệu và lắp đặt hệ thống công từ để hạn chế việc thất thoát vốn tài liệu.

2.2. Yêu cầu cấp thiết phải ứng dụng công nghệ thông tin tại Trung tâm Thông tin – Thư viện Học viện Ngân Hàng

Hiện nay, cuộc cách mạng khoa học kỹ thuật và công nghệ trên thế giới đang diễn ra như vũ bão. Sự bùng nổ về công nghệ, đặc biệt trên các lĩnh vực chính của công nghệ thông tin hiện đại như tin học, viễn thông, vi xử lý đang là một trong những nguyên nhân quan trọng có tác dụng quyết định dẫn đến sự thay đổi cơ bản trong lĩnh vực hoạt động thông tin thư viện theo hướng hiện đại hóa. Mặt khác, sự cần thiết phải tự động hóa các quy trình công tác, các hệ thống và mạng lưới thông tin thư viện được giải thích bởi khối lượng thông tin trên mọi lĩnh vực không ngừng tăng lên và tương ứng với nó là nhu cầu thông tin của người sử dụng ngày càng tăng. Nhu cầu của số đông người sử dụng cùng với tính chất phức tạp và khối lượng lớn các công việc phải làm bằng tay trong quá trình xử lý thông tin ngày một tăng, là nguyên nhân làm cho máy tính và các phương tiện kỹ thuật có liên quan đã được ứng dụng vào hoạt động thông tin thư viện.

Cuộc cách mạng vi xử lý vào giữa những năm 70 của thập kỷ XX tạo cơ sở cho sự xuất hiện máy tính cá nhân PC (Personal Computer) với năng lực lưu trữ và tốc độ xử lý cao, giá thành rẻ, có giao diện thân thiện với người sử dụng, đã đưa việc sử dụng máy tính phổ biến ở khắp mọi nơi và trong mọi lĩnh vực của cuộc sống. Do vậy, việc ứng dụng máy tính để hiện đại hóa hoạt động thông tin – thư viện là điều tất yếu và đang trở thành hiện thực.

Từ những năm 1980 – 1990, sự phát triển mạnh mẽ của các mạng viễn thông truyền dữ liệu quốc gia và quốc tế trên cơ sở kỹ thuật sợi cáp quang, qua vệ tinh và qua mạng vi ba đã tạo nên khả năng nối mạng vô cùng lớn. Trên thế giới đã và đang xuất hiện, tồn tại và phát triển các “siêu xa lộ thông tin” liên kết hàng triệu người, tổ chức, cơ quan trong từng quốc gia cũng như trong phạm vi khu vực và toàn cầu, mà tiêu biểu là liên mạng thông tin toàn cầu Internet. Sự phát triển này đã tạo ra một loại dịch vụ hoàn toàn mới trong hoạt động thông tin – thư viện, đó là dịch vụ hoàn toàn mới trong hoạt động thông tin thư viện, đó là dịch vụ khai thác thông tin qua hệ thống mạng.

Việc ứng dụng máy tính trong việc xử lý thông tin tuy chỉ mới bắt đầu từ những năm 1960, nhưng đã đem lại những hiệu quả vô cùng to lớn: đã có thể thực hiện việc tập trung thông tin trong những bộ nhớ lớn, những CSDL và NHDL (Ngân hàng dữ liệu), làm tăng nhanh tốc độ ở tất cả các công đoạn xử lý thông tin. Mặt khác, sự kết hợp giữa máy tính và viễn thông đã dẫn đến sự hình thành, phát triển các hệ thống và mạng thông tin tự động hóa, cho phép các thư viện có thể liên kết với nhau trên mạng máy tính để chia sẻ nguồn lực. Trong những năm gần đây đã bắt đầu xuất hiện các thư viện dựa trên mạng máy tính: thư viện điện tử và tiếp theo đó là các thư viện số. Đó có thể xem như là xu hướng quan trọng nhất của tự động hóa thư viện trong tương lai.

Trong điều kiện hiện nay, chúng ta khó có thể hình dung được một thư viện hoạt động mà không có máy tính. Việc ứng dụng công nghệ thông tin vào hoạt động thông tin thư viện không chỉ giúp đẩy nhanh tốc độ phục vụ người dùng tin, nâng cao chất lượng công tác mà nó cũng đã và sẽ giúp cải biến toàn bộ các quy trình công nghệ hiện hành, làm thay đổi một cách căn bản về phương thức hoạt động cũng như chất lượng các khâu thu thập, xử lý tài liệu, quản lý kho tư liệu đến việc phục vụ người dùng tin, giúp rút ngắn thời gian tìm kiếm và nâng cao về chất lượng các thông tin cung cấp cho người dùng, tăng số lượng bạn đọc. Quá trình ứng dụng CNTT đang tạo ra nhiều

khả năng mới mà trước đây người cán bộ thư viện và cán bộ thông tin không thể có, bằng cách xóa bỏ các thao tác thủ công và nâng cao hiệu quả các thao tác còn sử dụng. Việc ứng dụng CNTT vào hoạt động thông tin – thư viện đồng thời sẽ tạo ra các hoạt động dịch vụ thông tin, các sản phẩm thông tin mới có giá trị để đáp ứng nhu cầu ngày càng tăng lên của người dùng tin, tăng cao hiệu suất sử dụng và khai thác nguồn tài liệu trong kho của thư viện, góp phần chia sẻ nguồn lực thông tin với các cơ quan thông tin – thư viện khác. Vì vậy việc ứng dụng CNTT vào các hoạt động thông tin – thư viện là xu thế tất yếu của các cơ quan thông tin – thư viện hiện nay, trong đó có cả Trung tâm Thông tin – Thư viện Học viện Ngân hàng. Do CNTT là tập hợp các phương pháp khoa học, các phương tiện và công cụ kỹ thuật hiện đại – chủ yếu là kỹ thuật máy tính và viễn thông nhằm tổ chức, khai thác và sử dụng có hiệu quả các nguồn tài nguyên thông tin rất phong phú và tiềm tàng trong mọi lĩnh vực hoạt động của con người và xã hội. Hạ tầng CNTT là một trong những yếu tố quan trọng để việc thực hiện việc ứng dụng CNTT vào hoạt động thư viện.

Đồng thời cùng với sự gia tăng nhanh chóng khối lượng tri thức khoa học đã ảnh hưởng tới hoạt động của các cơ quan thông tin thư viện, trước hết tác động đến thành phần cơ cấu của kho tài liệu. Sách báo và ấn phẩm định kỳ xuất bản theo chu trình thương mại truyền thống, có nhiều hạn chế vì hàng năm các cơ quan mất một khoản chi phí khá lớn cho việc mua nguyên vật liệu (giấy tờ, sổ sách, tài liệu). Hơn nữa do chất liệu giấy rất nhanh hỏng nên phải thường xuyên thay thế, bảo quản tài liệu rất tốn kém về chi phí đầu tư và mất nhiều thời gian, công sức. Hoạt động quản lý tốn nhiều thời gian mà hiệu quả đạt được không cao.

Trung tâm Thông tin – Thư viện Học viện Ngân hàng cũng như các Trung tâm thông tin thư viện khác vốn tài liệu tăng lên ngày càng nhanh chóng mà những tài liệu này chủ yếu là tài liệu bằng chất liệu truyền thống (giấy) rất khó lưu trữ và bảo quản; điện tích, kho giá để lưu trữ tài liệu thì

ngày càng hạn chế. Mặt khác, những thông tin chứa đựng trong tài liệu này rất nhanh chóng trở nên lỗi thời không còn phù hợp với nhu cầu thông tin của người dùng tin.

Đặc biệt do đặc thù của Học viện là đào tạo ra những cán bộ ngân hàng giỏi về chuyên môn và nghiệp vụ vì vậy đòi hỏi vốn tài liệu phải thường xuyên được bổ sung một cách đầy đủ và có nội dung phong phú đáp ứng được nhu cầu của cán bộ học viên trong trường. Muốn vậy, Trung tâm phải tiến hành ứng dụng công nghệ thông tin phù hợp với xu hướng và để khắc phục những vấn đề khó khăn hạn chế.

2.3. Quá trình ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động thông tin thư viện tại Trung tâm Thông tin – Thư viện Học viện Ngân hàng

Quá trình ứng dụng CNTT tại Trung tâm được tiến hành tương đối muộn so với Trung tâm Thông tin – Thư viện các trường đại học, học viện khác trên toàn quốc, được chia làm 3 giai đoạn:

- Giai đoạn 1: Từ năm 1992 đến đầu năm 2006

Cùng với sự phát triển mạnh mẽ của CNTT và truyền thông, hoạt động ứng dụng CNTT vào các ngành, các lĩnh vực phát triển nhanh chóng. Việc ứng dụng CNTT vào hoạt động thông tin thư viện cũng nhanh chóng được triển khai và đã đạt được một số kết quả đáng kể.

Tại Trung tâm thời gian này việc ứng dụng CNTT đã đạt được một số kết quả như:

Bắt đầu từ tháng 2/1998, Phòng Tư liệu – Thư viện và xuất bản đã bắt đầu thử nghiệm nối mạng với mạng BATIN của Công ty 3C (Computer Communication Compagny). Đây là bước tập dượt ban đầu và đào tạo, cung cấp các kỹ năng thiết yếu cho cán bộ về khai thác thông tin qua mạng. Mặc dù những thông tin thu được trong thời điểm này từ mạng BATIN là rất ít, nhưng việc nối mạng đã đem lại lợi ích không nhỏ, giúp cho việc triển khai công tác tìm kiếm nguồn thông tin mới theo đúng xu thế của thời đại.

Từ tháng 4/1999, để tăng cường nguồn thông tin phục vụ đào tạo, nghiên cứu khoa học, Phòng Tư liệu đã đề nghị và được Ban giám đốc Học viện cho phép nối mạng Internet, mở ra thêm một hoạt động nghiệp vụ mới. Mặc dù điều kiện thiết bị còn yếu, nhưng việc triển khai khai thác thông tin trên mạng đã góp phần tích cực trong việc phục vụ nhu cầu đào tạo, nghiên cứu khoa học.

Đối với hoạt động nghiệp vụ đã bắt đầu ứng dụng của CNTT. Thư viện đã bắt đầu được trang bị máy tính và được cài đặt phần mềm quản lý dữ liệu CDS/ISIS. Công tác xây dựng CSDL bắt đầu được triển khai: bước đầu tiến hành việc xây dựng CSDL cho kho sách của Thư viện Khoa học và kho sách của sinh viên. Sau gần 1 năm triển khai công việc thư viện đã lập, xử lý và nhập máy được gần 1500 biểu ghi (đến hết năm 2002 là hơn 2500 biểu ghi). Việc tra cứu thông tin, tìm kiếm tài liệu bắt đầu được tiến hành trên máy tính, do đó đã góp phần nâng cao chất lượng phục vụ bạn đọc. Tuy nhiên, bước đầu việc tìm tin trên máy chỉ do cán bộ thư viện trực tiếp thực hiện. Để giúp người đọc có thể tự mình sử dụng máy vi tính tra cứu thông tin, Phòng Tư liệu đã mời giảng viên từ Trung tâm Thông tin – thư viện Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn Quốc gia sang mở một lớp đào tạo người dùng tin cho các cán bộ của Viện và Thư viện trong thời gian một tuần lễ.

Không kể 2 máy vi tính được đặt tại phòng Tư liệu, thì tính đến hết năm 2001, thư viện chỉ mới được trang bị 2 chiếc máy vi tính thế hệ cũ chưa được kết nối với nhau, có tốc độ xử lý chậm, dung lượng ổ cứng nhỏ. Các máy tính này chủ yếu để dùng nhập các bản ghi CSDL và tra cứu tìm tài liệu, thông tin qua 2 CSDL mà Thư viện đang tiếp tục xây dựng, bổ sung là CSDL của kho sách giáo viên và kho sách của sinh viên. Lúc đầu phần mềm CDS/ISIS chạy trong môi trường DOS (là phần mềm phổ biến nhất được dùng cho các thư viện trong những năm 1995 – 1996) nên khá khó khăn cho người sử dụng nếu không có các kỹ năng cần thiết. Nhưng đến năm 2002,

Thư viện đã bắt đầu được trang bị thêm 2 máy tính mới nên đã có thể tiến hành xây dựng mạng LAN cục bộ của Thư viện. Phần mềm quản lý cũng được cài đặt lại bằng chương trình WINISIS 1.4 (chạy trên môi trường Windows) – một phần mềm đang khá thông dụng tại các thư viện. Sinh viên đã bắt đầu có thể tự tra cứu, tìm kiếm thông tin trên 2 CSDL do thư viện xây dựng được, tuy vẫn còn hạn chế vì các máy tính cũ được sử dụng làm công cụ tra cứu tại phòng đọc sinh viên thường hay bị trục trặc về phần cứng.

Mặc dù việc ứng dụng CNTT trong giai đoạn này còn nhiều hạn chế, nghèo nàn, vụn vặt và chưa hệ thống. Hệ thống thông tin – thư viện điện tử hầu như chưa có gì, tài nguyên thư viện chưa được đưa lên mạng, người dùng tin mới chỉ có thể tìm kiếm một số thông tin và tra cứu thư mục một cách hạn chế. Tuy nhiên nó là giai đoạn quan trọng mở ra một hướng phát triển mới cho việc ứng dụng tin học vào hoạt động thông tin – thư viện của Trung tâm.

- Giai đoạn 2: Từ tháng 9/2006 đến tháng 7/2010

Từ tháng 9/2006 Trung tâm Thông tin – Thư viện Học viện Ngân hàng chính thức chuyển sang hoạt động tại một khu riêng biệt với ngôi nhà 7 tầng có tổng diện tích sử dụng trên 1600 m², được trang bị đồng bộ để phục vụ cho người dùng tin (NDT) và các hoạt động nghiệp vụ. Đây là điều kiện thuận lợi để Trung tâm tiến hành các hoạt động tin học hóa của mình.

Trong thời gian này Trung tâm tiếp tục sử dụng phần mềm CDS/ISIS tới đầu năm 2007 Trung tâm tiến hành sử dụng Excel để nhập một số trường cơ bản.

Đến tháng 4/2009, bắt đầu sử dụng Access để nhập liệu các trường tương đối chuẩn theo khổ mẫu biên mục MARC 21 và sau đó xuất file dữ liệu cho sinh viên tra cứu.

Trong thời gian này Trung tâm vẫn chưa thực sự đạt được kết quả trong việc ứng dụng đồng bộ các khâu, việc phục vụ bạn đọc vẫn theo

phương thức truyền thống, việc tra cứu trên máy tính còn hạn chế. Đặc biệt là hệ thống máy tính vẫn còn hạn chế, cấu hình thấp gây khó khăn cho việc xử lý tài liệu và phục vụ bạn đọc.

-Giai đoạn 3: Từ tháng 7/2010 đến nay

Cuộc cách mạng khoa học công nghệ phát triển nhanh chóng, kéo theo sự phát triển của các tài liệu điện tử, tài liệu số hóa,... Phần mềm CDS/ISIS có rất nhiều tính năng nổi trội nhưng chỉ là phần mềm tư liệu điện tử vì vậy đã nhanh chóng bị lỗi thời trước sự xuất hiện của hàng loạt các phần mềm thư viện khác. Đồng thời việc xây dựng CSDL trên phần mềm quản lý dữ liệu Microsoft Access thiếu rất nhiều yếu tố cần bổ sung thêm (gán chỉ số cutter, từ khóa,...) và với việc xây dựng CSDL dạng này thì không cho phép truy cập và tra cứu, tìm kiếm tài liệu từ xa, không có khả năng trao đổi và kết nối với các CSDL của các Trung tâm Thông tin – Thư viện khác nên việc tìm kiếm và lựa chọn phần mềm quản trị thư viện mới phù hợp với yêu cầu và xu hướng tại Trung tâm Thông tin – Thư viện Học viện Ngân hàng là điều tất yếu xảy ra. Và đến tháng 7/2010 Trung tâm đã chuyển sang sử dụng phần mềm iLib 4.0 của Công ty TNHH giải pháp phần mềm CMC. iLib 4.0 là giải pháp thư viện điện tử cho các thư viện tại Việt Nam do CMC nghiên cứu và phát triển. Đây là một hệ thống thư viện tích hợp được thiết kế nhằm đáp ứng nhu cầu của các thư viện trong nước, từ các thư viện công cộng, thư viện các trường đại học, thư viện chuyên ngành đến các trung tâm thông tin trong toàn quốc, đặc biệt là khả năng tích hợp và xử lý tiếng Việt.

Trong giai đoạn này Trung tâm đang gấp rút tiến hành việc biên mục và hồi cố tài liệu để phù hợp và hoàn thiện các khâu trong phần mềm tiến tới phục vụ cho người dùng tin một cách hiệu quả nhất. Trung tâm tiến hành bổ sung các nguồn tài liệu điện tử mới. Ứng dụng tin học đối với khâu phục vụ, mở rộng việc tra tìm trên máy tính điện tử. Ngoài ra, Trung tâm còn mở phòng truy cập Internet tạo điều kiện cho người dùng tin tiếp cận với công nghệ mới, tìm được những tài liệu điện tử, nâng cao khả năng phục vụ.

Qua các giai đoạn ứng dụng CNTT vào hoạt động thông tin – thư viện của Trung tâm đang dần hoàn thiện các hoạt động của mình tiến kịp với xu thế chung của thế giới.

Hiện nay thì Trung tâm không ngừng phát triển và ứng dụng CNTT vào các hoạt động của mình và Trung tâm đang có dự án xây dựng thư viện điện tử trong thời gian tới. Đây là mô hình thư viện của tương lai gần, có sự ứng dụng rộng rãi các tiến bộ của ngành thông tin tự động hóa.

2.4. Một số thành tựu ứng dụng công nghệ thông tin tại Trung tâm Thông tin - Thư viện Học viện Ngân Hàng

2.4.1. Xây dựng hạ tầng công nghệ thông tin tại Trung tâm Thông tin – Thư viện Học viện Ngân Hàng

Vào cuối thế kỷ XX đầu thế kỷ XXI, CNTT và viễn thông ở Việt Nam phát triển mạnh mẽ mở ra những hướng phát triển mới cho việc tin học hóa trong mọi lĩnh vực hoạt động. Cùng với xu thế chung thì Trung tâm Thông tin – Thư viện Học viện Ngân hàng đã nhanh chóng tiến hành triển khai các hoạt động ứng dụng CNTT vào hoạt động của Trung tâm mình, trong đó cũng đã chú tâm tới việc xây dựng và phát triển hệ thống mạng tại Trung tâm.

Mạng máy tính là một tập hợp các máy tính nối với nhau bằng các đường truyền vật lý theo một kiến trúc nào đó nhằm mục đích trao đổi thông tin giữa các máy tính. Trung tâm đang kết nối mạng LAN trong Học viện Ngân hàng và hệ thống mạng toàn cầu Internet là cơ sở để vận hành toàn bộ hệ thống đang hoạt động tại Trung tâm.

Mạng LAN

Mạng LAN của Trung tâm chính là hệ thống mạng LAN của Học viện. Máy chủ chính được đặt trên tòa nhà thực hành của Học Viện, nối đường truyền tới Trung tâm. Mạng LAN của trung tâm được kết nối thông qua các thiết bị chuyển mạch Switch (Trung tâm có 4 Switch được đặt ở các tầng của Trung tâm), nhờ sử dụng thiết bị này mà sự

đụng độ trên mạng giảm hẳn, đảm bảo cho sự hoạt động riêng lẻ của từng tầng, từng phòng mà vẫn kết nối tạo sự thống nhất trong toàn bộ Trung tâm cũng như toàn bộ hệ thống mạng của Học viện. Việc sử dụng mạng LAN chủ yếu là để cập nhật các tài liệu, các văn bản, thông tin từ cấp trên đưa xuống các phòng ban.

Kết nối mạng Internet

Mạng Internet được xem là mạng của các mạng được tạo ra bằng việc kết nối các máy tính và các mạng máy tính với nhau trong một mạng chung rộng lớn mang tính chất toàn cầu. Việc liên kết về mặt vật lý của các máy tính và mạng máy tính này được thực hiện thông qua các mạng viễn thông khác nhau như qua điện thoại, qua vệ tinh hoặc qua các kênh vi ba là song qua các đường thuê riêng hoặc qua cáp quang.

Việc kết nối với mạng Internet được thực hiện thông qua hệ thống mạng LAN của Học viện. Mạng Internet được nối với máy chủ đặt tại phòng thực hành của Học viện từ đó truyền tới Trung tâm thông qua hệ thống mạng LAN. Hiện nay, Học viện đang sử dụng mạng internet do Tập đoàn Viettel cung cấp.

Trung tâm được trang bị riêng 1 đường ADSL để phục vụ cho việc kết nối hệ thống máy tính với mạng Internet. Nhờ có hệ thống mạng mà việc ứng dụng CNTT vào hoạt động của Trung tâm được triển khai một cách nhanh chóng. Tất cả số máy tính của Trung tâm đều được nối mạng với máy chủ của Học viện thông qua 3 bộ HUB.

Các phòng làm việc, phòng đọc, phòng máy tính đều được trang bị đầu phát tín hiệu Wireless phục vụ truy cập Internet không dây. Việc đưa Internet vào sử dụng và khai thác đã mang lại hiệu quả trong quá trình trao đổi và chuyển tải thông tin một cách nhanh chóng thuận tiện. Trung tâm có

thế giới thiệu vốn tài liệu của mình đến với tất cả người dùng tin, có thể tiến hành trao đổi dữ liệu với các cơ quan thông tin thư viện khác trên toàn quốc.

2.4.2. Khổ mẫu biên mục đọc máy MARC

Thế kỷ XX, tin học bắt đầu được ứng dụng vào hoạt động thư viện. Việc ứng dụng tin học hoá đã làm cho tính chất nghề thư viện có nhiều thay đổi, trong đó công tác lưu trữ thông tin được gắn liền với công tác thông tin thư mục và biên mục được tự động hoá. Việc biên mục tự động sử dụng một phần mềm tự liệu hoặc phân hệ biên mục của phần mềm tích hợp quản trị thư viện để tạo lập các biểu ghi cho một CSDL thư mục và tạo ra các mục lục thích hợp. Tuy nhiên, các chương trình không thể tự đọc được các phiếu biên mục đã được nhập vào máy tính. Do vậy cần có một phương tiện trung gian để chương trình có thể hiểu được thông tin trên các phiếu được nhập máy. Biên mục đọc máy đã ra đời và thực hiện chức năng này. Năm 1996, biên mục đọc máy xuất hiện với khổ mẫu MARC đầu tiên của Thư viện Quốc hội Mỹ.

MARC là từ viết tắt thuật ngữ tiếng Anh: “Machine cataloguing”. Thuật ngữ này có nghĩa là “biên mục có thể đọc bằng máy”.

Khổ mẫu MARC do thư viện Quốc hội Mỹ xây dựng đầu tiên và sử dụng nên gọi là USMARC. Cấu trúc của khổ mẫu MARC tạo ra nhiều khả năng cho máy tính lựa chọn và sắp xếp các dữ liệu thư mục:

- Cho phép người sử dụng dễ dàng truy cập tới các biểu ghi
- In ra các thông báo sách mới, các ấn phẩm thư mục, các mục lục dưới dạng công thức khác nhau, các nhãn trên gáy sách.
- Trao đổi dữ liệu thư mục với các thư viện khác nhau trong nước và thế giới.

Khổ mẫu MARC có ý nghĩa quan trọng trong biên mục tự động. Vì vậy, các phần mềm quản trị thư viện cần phải được xây dựng tuân theo các chuẩn của khổ mẫu MARC.

Khổ mẫu MARC 21 là chuẩn để trình bày và trao đổi thông tin thư mục và những thông tin liên quan dưới dạng máy tính đọc được (machine-readable). Nó là khổ mẫu trao đổi, được thiết kế để cung cấp các đặc tả kỹ thuật cho việc trao đổi thông tin thư mục và thông tin liên quan khác giữa các hệ thống. Với tư cách một khổ mẫu trao đổi, MARC 21 không áp đặt những chuẩn lưu trữ dữ liệu bên trong hệ thống và chuẩn trình bày dữ liệu (display format). Việc trình bày dữ liệu là quy định riêng của từng hệ thống riêng biệt sử dụng khổ mẫu MARC 21.

Hiện nay, có rất nhiều khổ mẫu với những ưu điểm khác nhau tạo ra nhiều sự lựa chọn cho các thư viện sử dụng. Tuy nhiên, việc áp dụng nhiều khổ mẫu nhập tin gây ra những khó khăn không nhỏ cho các thư viện trong việc trao đổi và chia sẻ nguồn lực lẫn nhau. Mặc dù hầu hết các phần mềm cho phép tạo lập các file chuyển đổi khi xuất nhập dữ liệu song việc trao đổi dữ liệu giữa các CSDL không cùng một cấu trúc giữa các thư viện vẫn gặp nhiều khó khăn, trở ngại.

Ở Việt Nam, hiện nay thì khổ mẫu MARC 21 đang được khuyến khích sử dụng, nhiều thư viện trường Đại học ở Việt Nam đã và đang sử dụng khổ mẫu này, một số thư viện khác cũng đã có dự án đổi mới phần mềm và chuyển sang áp dụng MARC 21. Tuy nhiên, việc áp dụng MARC 21 tại các thư viện còn gặp nhiều khó khăn, tài liệu hướng dẫn sử dụng MARC 21 còn rất ít, hiện nay ở nước ta chưa có một bộ từ khóa, đề mục chủ đề chuẩn thống nhất nào nên các trường về chủ đề mỗi thư viện chọn một cách giải quyết riêng. Các chỉ thị xử lý còn được ít quan tâm, chỉ thị của nhiều trường còn được hiểu là xử lý không đúng. Ngay trong một thư viện thì việc sử lý các biểu ghi MARC giữa các cán bộ cũng khác nhau. Số lượng biểu ghi còn sai nhiều. Tuy nhiên, thì chúng ta cũng đang khuyến khích sử dụng khổ mẫu MARC 21 vì việc sử dụng chung chuẩn khổ mẫu sẽ giúp cho việc chia sẻ CSDL trở nên nhanh chóng và dễ dàng hơn, tạo khả năng trao đổi thông tin

giữa các thư viện trong nước, tiết kiệm được thời gian và công sức của cán bộ thư viện.

Từ tháng 7 năm 2010, ngay sau khi Trung tâm tiến hành triển khai việc ứng dụng Phần mềm iLib 4.0 đồng thời tiến hành sử dụng khổ mẫu MARC 21 làm khổ mẫu biên mục cho Trung tâm mình và đạt được một số hiệu quả trong việc biên mục tự động. Khổ mẫu MARC 21 được ứng dụng tại Trung tâm với các trường chủ yếu sau:

+ 0XX: Vùng thông tin quản lý số, mã. Gồm 3 trường:

020\$c Giá tiền

041\$a Mã ngôn ngữ

082\$a Kí hiệu phân loại

\$b Chỉ số cutter (mã cutter theo tên sách)

+ 1XX: Vùng các tiêu đề chính:

100\$a Tiêu đề mô tả chính

\$c Chức danh tác giả

\$e Vai trò của tác giả

+ 2XX: Vùng nhan đề chính và thông tin trách nhiệm

245\$a Tên sách

\$b Phụ đề

\$c Thông tin về trách nhiệm

250\$a Lần xuất bản

\$b Thông tin khác về xuất bản

260\$a Nơi xuất bản

\$b Nhà xuất bản

\$c Năm xuất bản

+ 3XX: Vùng mô tả vật lý

300\$a Số trang

\$b Các chi tiết vật lí khác

\$c Kích thước

\$e Tài liệu kèm theo

+ 4XX: Vùng các thông tin về từng thư

490\$a Thông tin về từng thư

\$v Số thứ tự tập

+ 5XX: Vùng các phụ chú

500\$a Phụ chú chung

520\$a Tóm tắt, chú giải tài liệu

+ 6XX: Vùng các tiêu đề bổ sung

653\$a Từ khóa không kiểm soát

+ 7XX: Các vùng tiêu đề bổ sung khác

700\$a Tên cá nhân

\$e Thuật ngữ chính xác trách nhiệm liên quan

710\$a Tiêu đề bổ sung cho tác giả tập thể

+ 8XX: Vùng sử dụng cục bộ

852\$b Kho lưu trữ

\$j Số ĐKCB

+ 9XX

901 Người xử lý

902 Ngày xử lý

Đối với sách tiếng nước ngoài cấu trúc các trường cũng giống như sách Việt nhưng có thêm trường trường 020\$a chỉ số ISBN. Trong quá trình ứng dụng khổ mẫu MARC, Trung tâm Thông tin – Thư viện Học viện Ngân hàng đã có những thay đổi thêm bớt các trường để phù hợp với điều kiện của Trung tâm mình. Việc áp dụng khổ mẫu MARC giúp cho việc chia sẻ và sử dụng các biểu ghi thư mục giữa các thư viện với nhau được dễ dàng không chỉ giữa các thư viện trong nước mà cả với thư viện nước ngoài.

2.4.3. Ứng dụng phần mềm iLib 4.0 của Công ty trách nhiệm hữu hạn giải pháp phần mềm CMC

iLib 4.0 là giải pháp thư viện điện tử cho các thư viện tại Việt Nam do CMC nghiên cứu và phát triển. Đây là một hệ thống thư viện tích hợp được thiết kế nhằm đáp ứng nhu cầu của các thư viện trong nước, từ các thư viện công cộng, thư viện các trường đại học, thư viện chuyên ngành đến các trung tâm thông tin trong toàn quốc, đặc biệt là khả năng tích hợp và xử lý tiếng

Việt. iLib 4.0 là phiên bản thư viện điện tử tích hợp mới nhất hiện nay của CMC, iLib 4.0 đáp ứng chuẩn nghiệp vụ đảm bảo cho việc tự động hóa công tác nghiệp vụ và liên thông, trao đổi nguồn lực thông tin.

iLib 4.0 tạo cho người sử dụng một cổng vào mọi dạng thông tin, dù là xuất bản phẩm, tài liệu điện tử hay âm thanh, hình ảnh... iLib 4.0 luôn được thường xuyên cập nhật nhằm nắm bắt được các công nghệ hiện đại và đáp ứng nhu cầu đổi mới của các trung tâm thông tin. iLib 4.0 tương thích với cả Internet, Intranet. iLib được thiết kế theo nguyên tắc xuyên suốt toàn bộ chương trình: dễ sử dụng đảm bảo tất cả các yêu cầu và tiêu chuẩn về nghiệp vụ thư viện, có kiến trúc hệ thống hỗ trợ khả năng mở rộng không hạn chế và các kết nối logic trực tiếp giữa các module, sẵn sàng cho việc khai thác dữ liệu ở tốc độ cao mà vẫn đảm bảo an toàn dữ liệu và bảo mật. iLib cung cấp các tính năng mạnh như: hỗ trợ đa ngôn ngữ; sử dụng các tiêu chuẩn và quy tắc mô tả thư mục ISBD, AACR2...cũng như các khung phân loại DDC, BBK, LCC,...và các loại từ điển, từ chuẩn...; Hỗ trợ chuẩn biên mục theo UNIMARC, MARC21; Tra cứu mục lục trực tuyến thông qua Internet;...

iLib 4.0 đã xây dựng được nhiều phân hệ (Module) phù hợp với toàn bộ các hoạt động của các cơ quan thông tin - thư viện và đã được Trung tâm Thông tin – Thư viện Học viện Ngân hàng lựa chọn đưa vào sử dụng.



Hình 1: Giao diện chính của phần mềm iLib 4.0

- Phân hệ tra cứu trực tuyến – OPAC
- Phân hệ Bổ sung
- Phân hệ Ấn phẩm nhiều kỳ
- Phân hệ Biên mục
- Phân hệ Quản lý kho
- Phân hệ Lưu thông (Mượn trả, quản lý bạn đọc)
- Phân hệ Mượn liên thư viện
- Phân hệ Quản lý tin tức
- Phân hệ Quản trị hệ thống

Mỗi phân hệ có những tính năng sau:

- *Phân hệ tra cứu trực tuyến – OPAC*: Modul OPAC cho phép khả năng truy nhập mục lục công cộng trực tuyến thông qua giao diện truy cập công cộng. Modul cung cấp khả năng tìm kiếm nhanh với giao diện được thể hiện dưới một mẫu định sẵn. Cho phép người dùng tìm kiếm theo nhiều tiêu chí khác nhau, hỗ trợ các toán tử tìm kiếm, có thể tìm ở hai chế độ: cơ bản và nâng cao. Hỗ trợ tra cứu liên thư viện thông qua cổng Z39.50. Đồng thời quản lý người dùng và cung cấp diễn đàn để người dùng có thể trao đổi thông tin cho nhau. Ngoài ra, OPAC còn cung cấp các dịch vụ trực tuyến, trợ giúp, xem thông tin người dùng, thông báo sách mới, đăng ký mượn và xin gia hạn qua mạng.

- *Phân hệ bổ sung*: Phân hệ cung cấp và hỗ trợ đầy đủ các chức năng, nghiệp vụ phục vụ công tác bổ sung của một thư viện. Thiết lập các đơn đặt và đơn nhận tài liệu. Lưu trữ tất cả các thông tin của đơn đặt và đơn nhận, theo dõi sát sao công tác bổ sung nguồn tin của thư viện. Cho phép thống kê, quyết toán, tạo các báo cáo, khiếu nại liên quan đến công tác bổ sung. Quản lý và theo dõi quỹ bổ sung; lưu trữ các tham số phục vụ cho việc bổ sung; hỗ trợ một phần cho công tác biên mục.

- *Phân hệ ấn phẩm nhiều kỳ*: Phân hệ cung cấp tính năng mạnh quản lý xuất bản phẩm nhiều kỳ như: đặt mua, theo dõi quá trình nhận, đóng tập, biên mục, quản lý thay đổi, lưu thông, báo cáo thống kê,... Xây dựng các danh sách đặt mua xuất bản phẩm nhiều kỳ: loại hình, khoảng thời gian đặt mua, định kỳ, số lượng đặt theo ấn phẩm, nhà cung cấp, nguồn quỹ bổ sung. Quản lý mọi hoạt động xuất bản phẩm nhiều kỳ như: báo, tạp chí, tập san định kỳ, niên giám, từng thư có định kỳ; không định kỳ... Quản lý quỹ bổ sung và các tiêu chí liên quan đặt mua xuất bản phẩm nhiều kỳ. Quản lý đến từng số xuất bản phẩm nhiều kỳ: Theo dõi quá trình nhận tài liệu và có thể nhận tài liệu về.

- *Phân hệ biên mục*: Là một phân hệ mạnh hỗ trợ đưa ra các quy tắc biên mục nhất quán như các chuẩn biên mục và mô tả biên mục theo chuẩn quốc tế như: phân loại, từ khóa, biên mục theo các khổ mẫu chuẩn dạng MARC21 và được tuân thủ theo các tiêu chuẩn và quy tắc mô tả như AACR2, ISBD, TCVN 4743 – 89 và theo các khung phân loại khác nhau như DDC, BBK, UDC, LCC,... Là các bản ghi biên mục giúp bạn đọc qua đó tra cứu thông tin biên mục cơ bản về tài liệu mà họ cần. Cho phép nhập mới, sửa chữa, xóa, duyệt, xem tái sử dụng, đặt các giá trị mặc định cho biên mục chi tiết các biểu ghi được bộ phận bổ sung nhập sơ lược vào hệ thống.

- *Phân hệ quản lý kho*: Cho phép tạo lập, tổ chức và quản lý kho theo yêu cầu của từng thư viện như kho chính, kho phụ, kho chức năng, phòng, giá, ngăn,...

- *Phân hệ lưu thông*: Phân hệ cho phép quản lý thời gian mượn, số tài liệu được mượn và đặt trước, lệ phí mượn, mức phạt tiền,... Đối với bạn đọc cho phép đăng ký bạn đọc mới, sửa đổi và cập nhật thông tin về bạn đọc. Cho phép thiết lập các chính sách khác nhau tại mỗi điểm lưu thông trong hệ thống, đảm bảo tính thống nhất trong hệ thống. Hỗ trợ các báo cáo tổng hợp của cả hệ thống và các báo cáo của từng điểm.

- *Phân hệ mượn liên thư viện*: Phân hệ có khả năng mở rộng và tương thích với các hệ thống bên ngoài, được dùng để kiểm soát việc mượn tài liệu từ các thư viện khác và cho phép cán bộ thư viện theo dõi tiến trình mượn và cho mượn tài liệu liên thư viện cũng như tra cứu tài liệu từ thư viện khác thông qua giao thức Z39.50

- *Phân hệ quản lý tin tức*: Phân hệ cho phép người dùng xây dựng và tổ chức đa thông tin lên trang web của thư viện. Phân hệ cung cấp thông tin tạo ra các đề mục lớn và tổ chức nội dung thông tin theo từng lĩnh vực, chuyên đề. Có thể hủy bỏ hoàn toàn hoặc tạm thời từng mục hoặc từng bài in bất kỳ. Phân hệ còn có khả năng tích hợp sinh động cho từng bài báo.

- *Phân hệ quản trị hệ thống*: Phân hệ này giúp cho công tác quản lý được tốt hơn. Phân hệ này giúp cho người quản trị thiết đặt các tham số làm việc cho toàn bộ hệ thống cũng như bật tắt các tính năng của phân hệ khác. Qua phân hệ này người quản trị có thể tiến hành các hoạt động bảo trì hệ thống như chép đồng dữ liệu, đọc nhật ký của toàn bộ chương trình.

2.4.3.1. Ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý

Tổ chức quản lý đóng vai trò quan trọng trong mọi chế độ xã hội, mọi ngành nghề, mọi lĩnh vực. Nhờ tổ chức quản lý khoa học đã mạng lại hiệu quả lao động cao với chi phí tiêu hao sức lực ít, phương tiện ít và thời gian ít. Bất cứ một chế độ xã hội nào hoặc một tổ chức hay một cơ quan, xí nghiệp nào cũng phải tổ chức quản lý hoạt động mới có hiệu quả. Do đó, khoa học quản lý đã trở thành một ngành khoa học bao trùm lên toàn bộ hoạt động xã hội. Chính vì vậy mọi ngành nghề, mọi lĩnh vực đều phải nghiên cứu để tìm ra cách tổ chức, quản lý sao cho khoa học nhất đối với ngành nghề của mình là việc làm hết sức cần thiết. Cùng với các ngành khác thì vấn đề tổ chức quản lý cũng đóng vai trò quan trọng trong hoạt động thư viện. Các trang thiết bị, mạng máy tính, các phần mềm quản lý, tra cứu và các ứng dụng chỉ đem lại hiệu quả khi có một đội ngũ cán bộ thư viện biết sử dụng và làm chủ được công nghệ tiên tiến. Ngày nay, người cán bộ thư viện ngoài kiến thức

chuyên môn nghiệp vụ cần phải cập nhật kiến thức tin học, phải biết sử dụng thành thạo máy tính và mạng máy tính để xử lý, quản trị và khai thác các nguồn tài liệu. Ở Trung tâm Thông tin – Thư viện Học viện Ngân hàng chỉ tiến hành phục vụ theo kho mở vì vậy việc khai thác tài liệu phục vụ cho NDT vẫn còn hạn chế về thời gian.

Đặc biệt nhờ có CNTT mà việc quản lý kho, quản lý bạn đọc, quản lý ấn phẩm nhiều định kỳ và quản trị hệ thống tại Trung tâm Thông tin – Thư viện Học viện Ngân hàng đã dễ dàng và bước đầu đạt hiệu quả.

➤ **Quản lý kho:**

Cho phép tạo lập, tổ chức và quản lý kho theo yêu cầu của thư viện. Người dùng có thể tự định nghĩa cấu trúc kho mới phù hợp với các cấp quản lý kho.



Hình 2. Giao diện phân hệ quản lý kho

Các chức năng cơ bản của module như:

- Tổ chức, sắp xếp kho theo yêu cầu của thư viện;
- Quản lý các thông tin về hệ thống kho: cấp lưu trữ, hệ thống lưu trữ;
- Hỗ trợ tối đa công tác kiểm kê kho;
- Xử lý mất trong quá trình kiểm kê;
- Xếp giá tự động;
- Đánh lại số đăng ký cá biệt;

- Thống kê và in danh sách tài liệu có trong kho;
- Thanh lý tài liệu;
- Thực hiện in nhãn tài liệu.

Với các chức năng trên thì vấn đề quản lý kho tài liệu tại Trung tâm đã bước đầu đạt hiệu quả. Giúp cho Trung tâm có thể quản lý được số ấn phẩm hiện có, kiểm tra thường xuyên tình trạng của các kho tiến hành thực hiện quá trình thanh lý tài liệu.

Công việc kiểm kê cũng là công việc cần thiết để đảm bảo giữ gìn tốt tài sản của thư viện, giúp người cán bộ biết được tình trạng kho tin, xử lý các tài liệu quá cũ thông tin không còn phù hợp. Công việc kiểm kê tại Trung tâm cũng được tiến hành phụ thuộc vào yêu cầu để từ đó có hướng kế hoạch cho thời gian tới.

Đồng thời các tính năng khác của phân hệ như: xếp giá, đánh lại số ĐKCB, in nhãn tài liệu đã góp phần lớn vào công tác quản lý kho sách của Trung tâm.

➤ ***Quản lý bạn đọc (phân hệ lưu thông)***

Bạn đọc là một trong bốn yếu tố quan trọng cấu thành lên một thư viện. Tùy vào đối tượng bạn đọc mà các trung tâm có các chính sách hoạt động cho hợp lý và hiệu quả. Bạn đọc tại các thư viện trường học luôn coi thư viện là giảng đường thứ hai, do đó mà bạn đọc tại các thư viện trường học tăng lên nhanh chóng và nhu cầu tìm tin của học ngày càng cao. Vì vậy việc quản lý bạn đọc tại các thư viện là việc làm hết sức quan trọng.

Với phân hệ quản lý bạn đọc của phần mềm iLib 4.0 cho phép đăng ký bạn đọc mới và sửa đổi/ cập nhật thông tin về bạn đọc. Tại Trung tâm thì do mới bắt đầu áp dụng phần mềm nên phân hệ này vẫn chưa được khai thác một cách triệt để.

Phân hệ này có các chức năng giúp Trung tâm quản lý bạn đọc và tiến hành các hoạt động liên quan đến bạn đọc. Bao gồm: Tìm kiếm bạn đọc;

thêm mới bạn đọc; sửa/ xóa thông tin bạn đọc; gia hạn thẻ; rút hạn thẻ; quản lý phạt bạn đọc; in thẻ/Báo cáo; khôi phục bạn đọc.

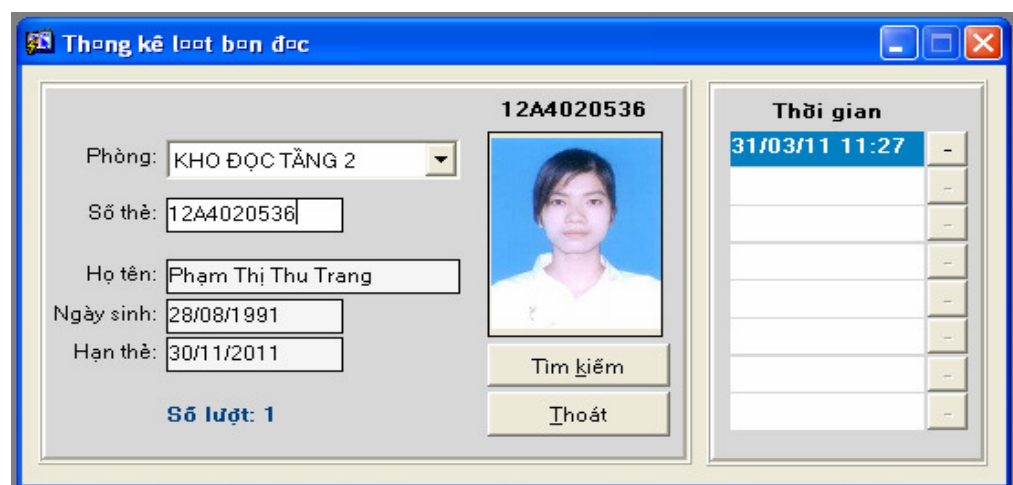
Việc khai thác phân hệ quản lý đang được Trung tâm khai thác đề đưa vào quản lý bạn đọc một cách nhanh chóng và thuận tiện nhất.



Hình 3. Giao diện phân hệ Quản lý bạn đọc – Lưu thông tài liệu

Mỗi bạn đọc đến với Trung tâm phải làm thẻ tích hợp mã vạch, ảnh của bạn đọc sẽ được scan lên máy tính và những thông tin cần thiết được nhập vào máy tính nhờ phần mềm tích hợp và quản trị thư viện.

Quản lý thông tin cá nhân bao gồm: số thẻ, họ và tên, ngày tháng năm sinh, giới tính, khoa, khóa, lớp, trường, ngày cấp thẻ, ngày hết hạn, loại bạn đọc.

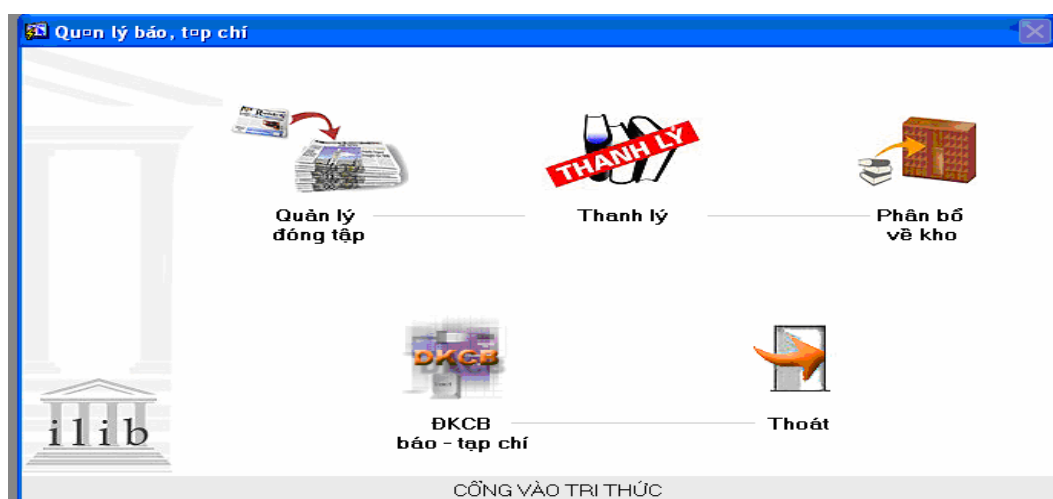


Hình 4. Thông tin bạn đọc

Nhờ ứng dụng phần mềm iLib mà công tác quản lý bạn đọc trở nên dễ dàng, thuận tiện và hiệu quả hơn. Việc tra cứu bạn đọc mượn sách trở nên dễ dàng nhanh chóng chính xác và giảm công sức, nâng cao được trình độ tin học của cán bộ thư viện.

➤ ***Quản lý ấn phẩm nhiều định kỳ***

Là một trong những phân hệ mạnh của chương trình về ấn phẩm nhiều kỳ. Cung cấp tính năng mạnh quản lý xuất bản phẩm nhiều kỳ như đặt mua, theo dõi quá trình nhận, đóng tập, biên mục, quản lý thay đổi, lưu thông, báo cáo thống kê,... Phân hệ còn hỗ trợ việc tra cứu tìm kiếm và đưa ra các báo cáo cần thiết trong quá trình bổ sung, biên mục các xuất bản phẩm nhiều kỳ.



Hình 5. Giao diện quản lý ấn phẩm nhiều định kỳ

Xây dựng các danh sách đặt mua xuất bản phẩm nhiều kỳ: loại hình, khoảng thời gian đặt mua, định kỳ, số lượng đặt theo ấn phẩm, nhà cung cấp, nguồn quỹ bổ sung. Quản lý mọi loại xuất bản phẩm nhiều kỳ như: báo, tạp chí, tập san định kỳ, niên giám,... có định kỳ; không định kỳ... Quản lý quỹ bổ sung và các chỉ tiêu liên quan đặt mua xuất bản phẩm nhiều kỳ. Quản lý đến từng số xuất bản phẩm nhiều kỳ: Theo dõi quá trình nhận tài liệu và có thể nhận tài liệu về.

Trung tâm đã tiến hành áp dụng phân hệ này và đạt hiệu quả bước đầu trong công tác quản lý xuất bản phẩm nhiều định kỳ. Việc lập các đơn đặt, đơn nhận hay tra trùng các ấn phẩm cũng tương tự như trong phân hệ bổ

sung được trình bày sau. Biên mục tổng thể hay biên mục từng số giúp việc khai thác và tra cứu thông tin có liên quan đến ấn phẩm này được tiến hành tới từng số, tránh biên mục lặp lại. Theo dõi, bổ sung: tính năng lên lịch ấn phẩm và ghi nhận thời điểm thực nhận của từng số cho phép chương trình tự động vẽ lịch và đánh dấu thông báo những ấn phẩm không về và kiểm soát những trùng lặp trong công tác bổ sung.

Tùy vào cơ quan quy định số lượng ấn phẩm cho một tập để đóng tập thì chương trình sẽ tự động đưa ra thông báo nhắc nhở đóng tập mới. Và việc quản lý bổ sung cho phép cán bộ có thể thay hạn và dừng lại các đơn đặt mua đã đặt trước đó.

Phân hệ quản lý xuất bản phẩm nhiều kỳ đã giúp cho các khâu được làm thủ công được thay thế và tiện lợi hơn, người cán bộ thư viện cũng đỡ vất vả hơn trong việc quản lý, bổ sung các xuất bản phẩm.

➤ ***Quản trị hệ thống***

Phân hệ này giúp cho công tác quản lý được tốt hơn. Phân hệ này giúp cho người quản trị thiết đặt các tham số làm việc cho toàn bộ hệ thống cũng như bật tắt các tính năng của phân hệ khác. Qua phân hệ này người quản trị có thể tiến hành các hoạt động bảo trì hệ thống như chép dòng dữ liệu, đọc nhật ký của toàn bộ chương trình.



Hình 6. Giao diện Phân hệ Quản trị hệ thống

Phân hệ quản lý được sử dụng bởi người/ nhóm người cao nhất với khả năng tạo mới và gán quyền cho các tài khoản truy cập vào các phân hệ khác cũng như rút bớt quyền, hủy tài khoản đang sử dụng.

2.4.3.2. Ứng dụng công nghệ thông tin trong bổ sung, xử lý tài liệu và phục vụ người đọc

❖ Ứng dụng CNTT trong công tác bổ sung:

Công tác bổ sung là khâu quan trọng và cần thiết với bất kỳ cơ quan thư viện nào đặc biệt là với thư viện trường Đại học vì thư viện trường Đại học có nhiệm vụ quan trọng là đào tạo ra đội ngũ cán bộ những chủ nhân của đất nước. Hiện nay, sự phát triển của khoa học công nghệ dẫn đến sự bùng nổ thông tin làm cho thông tin gia tăng theo cấp số nhân và cũng nhanh chóng trở nên lạc hậu. Do đó, công tác bổ sung phải được tiến hành kịp thời để bổ sung vào kho tư liệu của mình những nguồn tài liệu mới nhất, những thành tựu khoa học của những nước phát triển trên thế giới đáp ứng tốt nhu cầu cho người dùng tin.

Chính vì vậy việc ứng dụng CNTT trong công tác bổ sung vốn tài liệu là rất quan trọng, đây là công đoạn đầu tiên trong chu trình đường đi của tài liệu. Tin học hóa công tác bổ sung tạo nên sự thuận lợi cho cán bộ bổ sung trong việc tìm kiếm sách trùng bản, thống kê tài liệu... và đặc biệt với sự phát triển mạnh của khoa học công nghệ thì việc bổ sung tài liệu điện tử như băng hình, băng tiếng, đĩa CD – ROM, ..., tài liệu online rất cần được chú trọng.

Trước đây khi sử dụng phần mềm CDS/ ISIS, Trung tâm đã xây dựng CSDL bổ sung trên Access tiến hành làm worksheet nhập các trường như: Tên sách, thông tin bổ sung cho nhan đề, tên tác giả, người biên soạn biên tập, nhà xuất bản, nơi xuất bản, định từ khóa, tóm tắt nội dung cuốn sách vào sổ đăng ký cá biệt, đóng dấu viết ký hiệu phân loại, ký hiệu xếp giá, dán nhãn cho sách rồi đưa lên phòng đọc. Nhưng từ tháng 7 năm 2010, Trung

tâm sử dụng phần mềm ILIB 4.0 trong đó có phân hệ bổ sung tài liệu mang lại rất nhiều tính năng và tiện ích trong việc bổ sung.

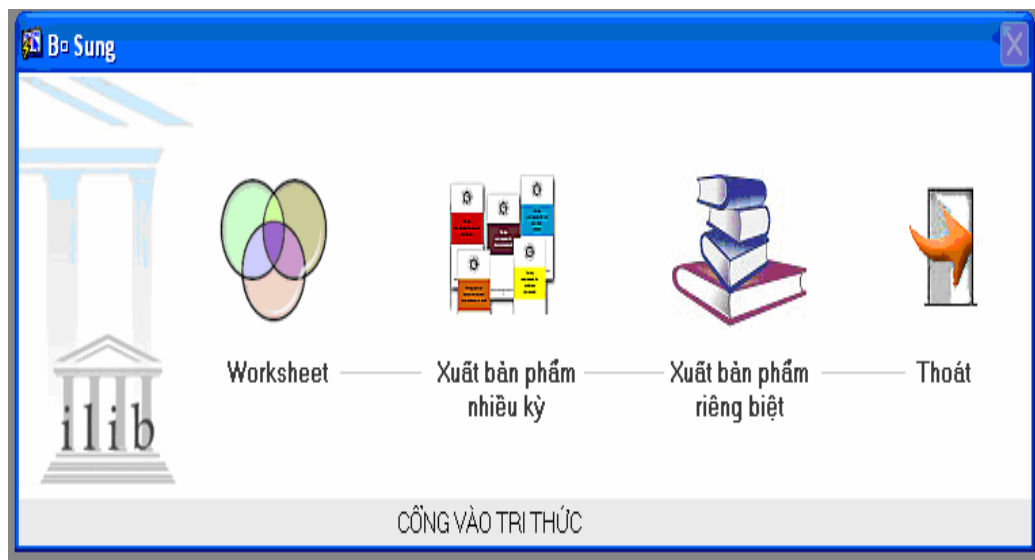
- Cung cấp và hỗ trợ đầy đủ các chức năng nghiệp vụ phục vụ công tác bổ sung của thư viện.

- Thiết lập các đơn đặt và đơn nhận tài liệu. Lưu trữ tất cả các thông tin của đơn đặt và nhận theo dõi sát sao công tác bổ sung tài liệu của thư viện.

- Cho phép thống kê, quyết toán, tạo các báo cáo, các khiếu nại... liên quan đến công tác bổ sung.

- Quản lý và theo dõi quỹ bổ sung. Lưu trữ các tham số phục vụ cho việc bổ sung. Hỗ trợ một phần cho công tác biên mục catalog

Tất cả các thao tác, các tính năng của phân hệ bổ sung đã được Trung tâm thực hiện hoàn toàn các thao tác theo hướng dẫn trong các phần của phần mềm.



Hình 7. Giao diện phân hệ bổ sung

Cùng với sự phát triển vượt bậc của CNTT và truyền thông, nguồn thông tin trong thư viện ngày càng một phong phú và đa dạng. Ngoài các tài

liệu dưới dạng giấy in truyền thống còn có các nguồn tin điện tử được khai thác truy cập thông qua các thiết bị truyền tin hiện đại đang ngày một phát triển và chiếm ưu thế.

Việc ứng dụng CNTT vào quy trình bổ sung đã giúp cho việc thực hiện được thuận tiện nhanh chóng nhờ sự hỗ trợ của phần mềm thư viện và giao dịch thương mại điện tử đã rút ngắn thời gian, công sức, chi phí trong quá trình bổ sung.

- Đơn đặt: Trung tâm ứng dụng tiện ích của phân hệ bổ sung là tạo đơn đặt để bổ sung ấn phẩm vào thư viện. Các cán bộ khâu bổ sung cần lên danh sách, lập đơn đặt hàng, lựa chọn nhà cung cấp và duyệt những yêu cầu bổ sung.

Có 2 loại yêu cầu bổ sung là bổ sung ấn phẩm định kỳ và bổ sung ấn phẩm nhiều kỳ, các thao tác lập 2 loại yêu cầu này là như nhau. Sau khi được các cán bộ thiết lập, các yêu cầu này sẽ được duyệt và in thành danh sách các đơn đặt bổ sung. Trước khi gửi đơn đặt Trung tâm tiến hành kiểm tra xem tài liệu đặt mua đã có hay chưa. Khi cán bộ thư viện nhập thông tin về tài liệu như: tên tài liệu, tác giả, nơi xuất bản, nhà xuất bản, năm xuất bản trùng với tài liệu đã có trong CSDL thì hệ thống sẽ đưa ra thông báo để cán bộ thư viện làm công tác bổ sung biết. Chức năng này giúp Trung tâm tiết kiệm được ngân sách, tránh hiện tượng trùng bản.

- Đơn nhận: Trung tâm đã tiến hành tạo ra các đơn nhận và theo dõi quy trình nhận tài liệu được lưu lại trên CSDL chi tiết từ đơn nhận như: mã đơn, tên đơn, ngày, tháng nhận, số biểu ghi. Khi tạo được các đơn nhận, Trung tâm đánh chỉ mục cho các đơn đã tạo giúp cho việc tra cứu các tài liệu đã bổ sung và được đăng ký cá biệt.

Ứng dụng CNTT vào công tác bổ sung đã giúp cho các cán bộ thư viện dễ dàng tra cứu được xuất xứ của tài liệu là mua, tài trợ hay nguồn biểu

tặng. Từ đó để phân loại tài liệu theo nguồn khác nhau, kiểm kê và theo dõi quỹ bổ sung theo danh mục loại tiền.

Phân hệ bổ sung cho phép định dạng trước các mẫu ĐKCB có thể theo chữ hoặc kết hợp cả chữ và số tùy theo định dạng của Trung tâm.

Việc tin học hóa trong công tác bổ sung mà cụ thể là nhờ phần mềm iLib, các thiết bị điện tử khác cùng các phần mềm in nhãn, in mã vạch mà công tác bổ sung đã thực hiện việc xử lý sơ bộ tài liệu một cách chính xác. Phân hệ bổ sung của phần mềm cho phép in mã vạch cho các tài liệu trong CSDL bổ sung, in nhãn gáy cho các ấn phẩm theo đúng mẫu định dạng, in danh sách các ĐKCB được bổ sung vào CSDL bổ sung...

Ví dụ cuốn sách: Sống ở Hoa Kỳ : Sách tham khảo / R. LANIER, ALISON, Phạm Thị Hằng, Dương Đức Sơn, Đinh Trọng Minh,... - H. : Chính trị quốc gia, 1996.. - 290tr. ; 13x19cm

Có số ĐKCB là: SV.021525



Nhãn gáy của cuốn sách và mã vạch

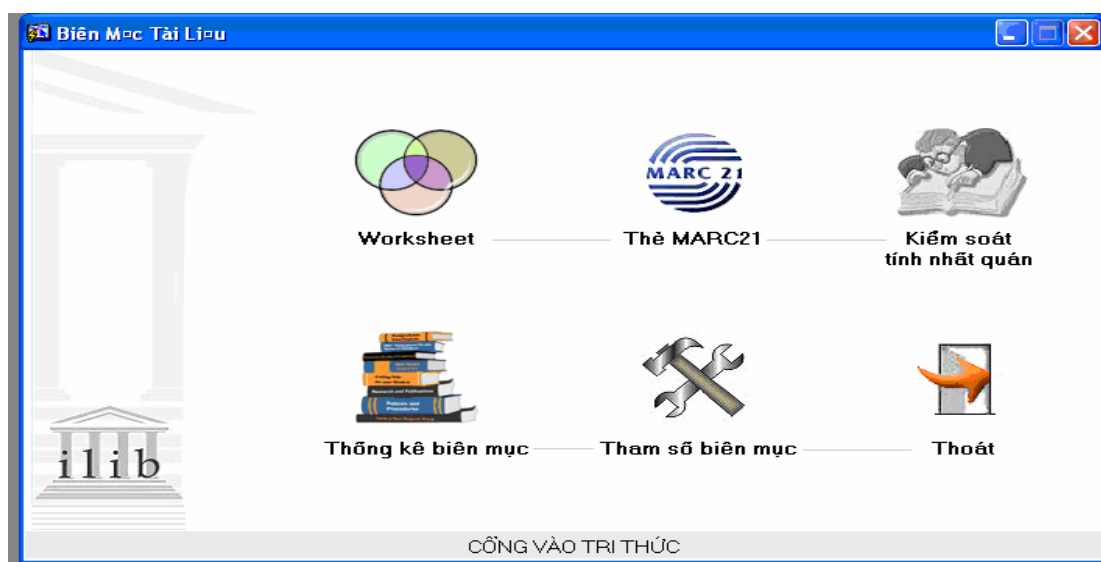
Phân hệ cho phép kiểm soát nhập kho với khả năng xử lý lô trong việc gán và in mã vạch cho số ĐKCB và các thông tin xếp giá khác. Ngoài ra, phần mềm còn cho phép cán bộ thư viện có thể kiểm kê và tự động xác định những ấn phẩm thất lạc, xếp nhầm vị trí,... từ đó cán bộ bổ sung có thể đưa ra được chính sách bổ sung cũng như phân kho và xếp giá cho hợp lý.

Hiện nay, phòng bổ sung của Trung tâm được trang bị 03 máy tính, 01 máy in phục vụ cho việc xử lý tài liệu và lập danh sách các tài liệu cần bổ sung, đơn giá, số lượng các tài liệu bổ sung. Nhờ ứng dụng CNTT mà công tác bổ sung trao đổi đã đạt được kết quả tương đối đáng kể.

❖ *Ứng dụng CNTT trong công tác biên mục*

Xử lý thông tin có tác động và ảnh hưởng mạnh mẽ tới chất lượng của các sản phẩm và dịch vụ thông tin của bất cứ cơ quan thông tin thư viện nào. Nếu được chú trọng tổ chức tốt tất yếu sẽ đưa lại giá trị cũng như hiệu quả thông tin cao, đảm bảo độ tin cậy, chính xác đầy đủ cho nguồn lực thông tin bổ sung và phát triển tạo ra nguồn thông tin phù hợp với nhu cầu của NDT.

Phân hệ biên mục của phần mềm iLib 4.0 là một phân hệ mạnh của chương trình, hỗ trợ đưa ra các quy tắc biên mục, các chuẩn biên mục và mô tả biên mục theo các chuẩn quốc tế như: phân loại, từ khóa, biên mục theo khổ mẫu MARC 21 và được tuân thủ theo quy tắc mô tả như: AACR2, ISBD, TCVN4743 – 89 và theo các khung phân loại khác nhau: DDC, BBK, UDC, LCC, ...



Hình 8. Giao diện phân hệ biên mục

Là các bản ghi biên mục, giúp bạn đọc qua đó tra cứu các thông tin biên mục cơ bản về tài liệu học cần.

Phân hệ cho phép nhập mới, sửa chữa, xóa, duyệt, xem tái sử dụng, đặt các giá trị mặc định cho biên mục chi tiết các biểu ghi được bộ phận bổ sung nhập sơ lược vào hệ thống.

Trung tâm đã ứng dụng gần hết các tính năng của phân hệ. Tiến hành thực hiện việc xử lý kỹ thuật theo phương thức tập trung đối với tất cả các loại hình tài liệu có trong trung tâm. Công việc này được giao cho phòng bổ sung biên mục. Tiến hành biên mục theo khổ mẫu MARC 21, khung phân loại DDC, qui tắc biên mục Anh - Mỹ.

Việc biên mục tại Trung tâm đối với tất cả các tài liệu, đối với tài liệu tiếng nước ngoài (tiếng Anh) vẫn đề đảm bảo biểu ghi chính xác thì cán bộ biên mục đã thực hiện tìm kiếm download, sao chép thông tin qua cổng Z39.50, tìm kiếm theo chỉ số ISBN, theo tên tác giả, từ khóa,...

Hình 9. Biên mục thông tin theo MARC 21

Phân hệ có các tính năng như:

- Giao diện biên mục thân thiện, dễ sử dụng
- Cho phép biên mục mọi loại hình tài liệu như sách, ấn phẩm định kỳ, luận văn, tranh ảnh, dữ liệu số
- Cho phép tùy biến các tham số trong biên mục
- Cho phép tạo lập các trường cũng như các workseet nhập dữ liệu tùy biến

- Nhập/ xuất biểu ghi để tạo ra các biểu ghi thư mục theo tiêu chuẩn MARC dưới dạng UNIMARC, MARC 21 hoặc các khổ mẫu trong CDS/ISIS.

- Xử lý, tìm kiếm, truy cập dữ liệu số

- In mục lục, phích, tài liệu, báo cáo liên quan đến biên mục

- Tìm kiếm tra cứu nhanh theo nhiều tiêu chí. Cho phép kiểm soát tính nhất quán của biểu ghi thư mục.

- Kiểm soát tính nhất quán theo tác giả.

Việc ứng dụng CNTT trong công tác biên mục chính là tạo ra quá trình biên mục tự động. Hiện nay, Trung tâm đang sử dụng cả hai hình thức biên mục tự động là biên mục gốc và biên mục sao chép.

Biên mục gốc:

Biên mục gốc hay còn gọi là biên mục tại chỗ. Đây chính là quá trình tạo lập biểu ghi thư mục trên cơ sở mô tả trực tiếp tài liệu có trong thư viện bằng các format nhập dữ liệu có sẵn của một phần mềm thư viện nào đó quy định. Quy trình cơ bản của biên mục bao gồm:

+ Xử lý tiền máy: Mô tả các yếu tố thư mục của tài liệu vào khổ mẫu nhập tin (worksheet)

+ Nhập dữ liệu

+ Hiệu đính biểu ghi trên máy

+ Đồng bộ đưa lên máy chủ để tra cứu, in kết quả dạng phiếu mục lục hoặc thư mục.

Quá trình này tại Trung tâm chính là việc tạo lập biểu ghi mới cho CSDL của Trung tâm. Các cán bộ phòng nghiệp vụ sẽ tiến hành xử lý tài liệu trên phiếu nhập tin và nhập dữ liệu vào máy theo quy trình. MARC 21 cho phép nhập trực tiếp các chỉ thị trường, mã trường con cùng với các dữ liệu thư mục. Điều này tạo cho cán bộ thư viện có thể chủ động trong quá trình biên mục.

Trung tâm áp dụng quy tắc mô tả theo chuẩn quốc tế và mô tả thư mục ISBD, quy tắc mô tả theo AACR2 và hiển thị tất cả các nhãn trường MARC 21 giúp cho cán bộ kiểm soát được lỗi trong quá trình biên mục.

Biên mục sao chép:

Biên mục sao chép là một trong các thành tựu của tự động hóa thư viện trong công tác biên mục thông qua mạng máy tính hoặc qua các vật mang tin khác như đĩa từ, đĩa CD mà không cần phải biên mục lại từ đầu thông qua chuẩn trao đổi dữ liệu. Thực chất là việc triển khai các biểu ghi thư mục (Bibliographic Record) của thư viện khác về và bổ sung các yếu tố đặc thù của thư viện mình vào để tạo biểu ghi mới cho phù hợp.

Nhưng ở nước ta hiện nay thì việc biên mục sao chép chưa được tổ chức thực hiện thường xuyên do các Trung tâm Thông tin – Thư viện chưa có sự thống nhất về việc sử dụng khổ mẫu, các quy tắc mô tả cũng như các khung phân loại, sự hợp tác hoạt động giữa các thư viện cũng chưa quan tâm đúng mức. Làm tốn rất nhiều thời gian, công sức của cán bộ và ngân sách của nhà nước.

Trước khi sử dụng phần mềm thì Trung tâm chưa có hoạt động biên mục sao chép nhưng từ khi sử dụng phần mềm trong phân hệ biên mục có nhập bản ghi từ nguồn bên ngoài thông qua kết nối tuy nhiên vẫn còn nhiều hạn chế.

Quá trình biên mục sao chép được Trung tâm tiến hành thông qua cổng Z39.50 để tải các tài liệu đã biên mục thông qua CSDL của Thư viện Quốc hội Mỹ (đối với các tài liệu ngoại văn) với địa chỉ <http://www.loc.gov/>, Thư viện Quốc gia Việt Nam (chủ yếu là tài liệu tiếng Việt) với địa chỉ <http://www.nlv.gov.vn/nlv> và thông qua một số trang web khác.

Sau khi biên mục đã tải được tải về từ CSDL của các Thư viện khác thì Trung tâm tiến hành biên mục tiếp theo với các trường cho phù hợp với thư viện mình.

❖ Ứng dụng CNTT trong công tác phục vụ bạn đọc (phân hệ lưu thông)

Trung tâm tổ chức phục vụ bạn đọc theo hình thức kho mở đối với tất cả các loại hình tài liệu và chưa tiến hành cho mượn về nhà.

Phân hệ này được thiết kế phù hợp với nhu cầu của thư viện, cho phép về nghiệp vụ cho mượn tài liệu và quản lý thông tin về bạn đọc, hỗ trợ hoạt động phục vụ tài liệu, quản lý bạn đọc và báo cáo thống kê lưu thông.

Là quá trình lưu thông ấn phẩm thư viện và bạn đọc, sử dụng hiệu quả các thông tin được ghi nhận trong quá trình mượn và trả thẻ, tiến hành những thống kê đa dạng. Phân hệ có các chức năng:

- Tự động hóa tối đa hoạt động mượn trả
- Tích hợp mã vạch. Thống kê đa dạng
- Liên kết mạng. Xur lý ấn phẩm mượn quá hạn

Phân hệ cho phép quản lý thời gian mượn, số tài liệu được mượn và đặt trước, lệ phí mượn, mức phạt tiền,... Đối với bạn đọc cho phép đăng ký bạn đọc mới, sửa đổi và cập nhật thông tin về bạn đọc. Cho phép thiết đặt các chính sách khác nhau tại mỗi điểm lưu thông trong hệ thống của mình.

Trung tâm đang tiến hành sử dụng công nghệ mã vạch. Đã được ứng dụng ở nhiều nước trên thế giới. Công nghệ mã vạch là công tác mã hóa thông tin bằng các vạch đen trắng có độ rộng thay đổi, có thể nhận dạng và giải mã bằng các thiết bị đọc mã vạch. Các dữ liệu sau khi được giải mã dưới dạng các số hoặc các ký hiệu có thể nhập dễ dàng vào máy tính để sử dụng trong các CSDL dùng cho quản trị và tra cứu thông tin.

Công nghệ mã vạch ra đời nhằm quản lý các đối tượng của hoạt động thư viện đó là vốn tài liệu và người dùng tin thông qua phần mềm có khả năng tích hợp mã vạch. Mỗi đối tượng có một mã vạch riêng, mã vạch chứa các thông tin cơ bản để nhận diện đối tượng một cách chính xác. Thông qua máy đọc mã vạch và máy tính thì cán bộ sẽ có đầy đủ thông tin về đối tượng

một cách nhanh chóng và chính xác. Trung tâm đang sử dụng 2 loại mã vạch là mã vạch cho thẻ sử dụng thư viện và mã vạch cho tài liệu.



Các trang thiết bị phụ trợ cho việc ứng dụng công nghệ thông tin

+ Mã vạch cho thẻ được phần mềm hỗ trợ trong phân hệ lưu thông với chức năng in thẻ và in mã vạch theo khuôn dạng khác nhau giúp cho cán bộ có thể tạo kiểu dáng cho thẻ, sau đó sẽ cung cấp tính năng in thẻ và in mã vạch cho thẻ.

+ Mã vạch cho tài liệu là một số ĐKCB, tài liệu sau khi bổ sung về Trung tâm sẽ được cán bộ phòng bổ sung vào sổ đăng ký, định cho một số ĐKCB, xử lý một cách sơ bộ sau đó chuyển sang biên mục và tại đây iLib sẽ hỗ trợ chức năng in mã vạch cho ấn phẩm.

Việc đưa mã vạch vào sử dụng đã tạo điều kiện thuận lợi cho cán bộ và người dùng tin đặc biệt là công tác phục vụ và kiểm kê tài liệu.

Cùng với việc xây dựng CSDL thì Trung tâm đã xây dựng và phát triển mục lục trực tuyến OPAC (Online Public Access Catalog) dần dần cũng đã thay thế mục lục truyền thống với các tính năng ưu việt của nó. OPAC là kết quả của tự động hóa các hoạt động biên mục, bổ sung, lưu thông,... sau tất cả các hoạt động trực xử lý tài liệu sẽ xuất hiện mục lục trực tuyến OPAC, đồng thời cũng là cơ sở để khai thác các hoạt động khác.

Modul OPAC cho phép khả năng truy nhập mục lục công cộng trực tuyến thông qua giao diện truy cập công cộng, cung cấp khả năng tìm kiếm nhanh với giao diện được thể hiện dưới dạng mẫu định sẵn. Cho phép người dùng tìm kiếm theo nhiều tiêu chí khác nhau, hỗ trợ các toán tử tìm kiếm, có thể tìm tin ở cả hai chế độ: cơ bản và nâng cao. Hỗ trợ tra cứu liên thư viện thông qua Z39.50, đồng thời quản lý người dùng và cung cấp diễn đàn để người dùng có thể trao đổi thông tin cho nhau.



Hình 10. Giao diện tra cứu tài liệu trên OPAC

Ngoài ra, OPAC còn cung cấp các dịch vụ trực tuyến, trợ giúp, xem thông tin người dùng, thông báo sách mới, đăng ký tài liệu và xin gia hạn tài liệu qua mạng. Là công cụ giúp cho bạn đọc và Trung tâm giao tiếp được với nhau thuận lợi và hiệu quả, có thể tích hợp trên mạng Internet để tạo ra môi trường phục vụ bạn đọc tra cứu và sử dụng thông tin do thư viện cung cấp.

Phân hệ OPAC đã tạo ra một hệ thống tìm tin hiện đại đáp ứng nhu cầu tìm tin nhanh chóng, chính xác và đa dạng của người dùng tin. Người dùng tin có thể tra tìm tài liệu với nhiều điểm tiếp cận như tên tác giả, tên tài liệu, từ khóa, số ĐKCB,... đồng thời có thể kết hợp các trường trong một lệnh tìm để tìm chính xác tài liệu mình cần.

Người dùng tin có thể tìm tin qua chế độ tìm tin online qua website <http://www.hvnh.edu.vn/branch/148/1390> (đây là website của Học viện) sau đó vào phân hệ OPAC để tra cứu tài liệu vì Trung tâm chưa có website riêng.

Trung tâm còn tiến hành phục vụ truy cập Internet cho giảng viên, cán bộ và sinh viên của Học viện. Hệ thống máy tính cho sinh viên truy cập internet là 37 máy. Phòng máy tính cho giáo viên truy cập internet là 12 máy. Tạo điều kiện cho NDT có thể tiếp cận tìm kiếm thông tin mới hiện đại trên thế giới, giúp NDT có thể giao lưu trao đổi thông tin với nhau.

Nhờ ứng dụng CNTT mà công tác phục vụ bạn đọc của Trung tâm trở nên nhanh chóng và hiệu quả hơn, làm giảm thời gian và công sức của bạn đọc cũng như cán bộ thư viện. Đồng thời việc ứng dụng CNTT cũng đem đến cho người dùng tin nhiều lợi ích giúp người dùng tin tiếp cận và khai thác được những thông tin bằng mọi hình thức phục vụ cho quá trình học tập và nghiên cứu của mình.

2.4.3.3. Ứng dụng công nghệ thông tin trong việc xây dựng CSDL

Cơ sở dữ liệu (CSDL) là tập hợp các dữ liệu thuộc một lĩnh vực nào đó về các đối tượng quản lý, được lưu trữ trên các vật mang tin mà máy tính điện tử có thể đọc được và quản lý theo một cơ chế thống nhất nhằm giúp cho việc truy cập và xử lý dữ liệu dễ dàng và nhanh chóng. CSDL bao gồm một tệp hoặc một tập hợp các tệp dữ liệu. Thông tin trong các tệp này có thể chia nhỏ thành các biểu ghi, mỗi biểu ghi lại bao gồm một hoặc nhiều trường. Trường là đơn vị cơ sở của dữ liệu và mỗi trường chứa các thông tin liên quan đến một khía cạnh hay một thuộc tính của thực thể được mô tả bởi CSDL. Sử dụng từ khóa hoặc các lệnh tìm, người dùng tin có thể nhanh chóng lựa chọn ra các biểu ghi thỏa mãn yêu cầu tin đặt ra. Đó là nhờ CSDL được

quản lý bởi một hệ quản trị CSDL- là một hệ thống phần mềm, bao gồm các chương trình giúp người sử dụng có thể quản lý và khai thác được CSDL.

Việc xây dựng CSDL thể hiện rõ nhất mặt tích cực của việc ứng dụng CNTT trong công tác xử lý tài liệu. Nó cho phép hạn chế tối đa chi phí và công sức của cán bộ thư viện cho việc biên mục tài liệu cũng như tạo ra các sản phẩm, dịch vụ thông tin theo yêu cầu. Ngoài ra, tạo ra khả năng trao đổi nguồn lực thông tin giữa các cơ quan thông tin với nhau. Sự ra đời của hệ thống mạng và các vật mạng tin hiện đại khiến cho CSDL có thể sử dụng như một sản phẩm thông tin hoặc như một công cụ xử lý thông tin. Việc xây dựng CSDL đòi hỏi cán bộ thư viện có trình độ nhất định về tin học, tổ chức CSDL, nắm bắt được các đặc tính dữ liệu, bảo trì CSDL.

Nhận thức rõ được tầm quan trọng của việc xây dựng CSDL Trung tâm đã rất chú ý đến nguồn thông tin điện tử, các CSDL on-line. Trung tâm đã chủ động liên hệ với các Nhà xuất bản trong và ngoài nước để xin cung cấp miễn phí một số tài liệu. Đặc biệt trong năm 2007, 2008 và 2010, Trung tâm đã liên hệ và được Nhà xuất bản Emerald (Anh) cho phép cán bộ, giáo viên và sinh viên Học viện truy cập miễn phí để khai thác các CSDL điện tử on-line về lĩnh vực kinh tế, tài chính - ngân hàng, giúp tiết kiệm được 1 khoản kinh phí không nhỏ (khoảng 1400 USD/tháng) cho Học viện.

Từ đầu tháng 4 /2008, Trung tâm đã tiếp nhận và đưa vào khai thác 1 CSDL sách điện tử mới E-Brary với thời hạn truy cập 3 năm (4/2008 – 4/2011). Đây là một CSDL sách điện tử toàn văn với hơn 40.000 đầu sách thuộc lĩnh vực tài chính - ngân hàng và quản trị - kinh doanh được tập hợp từ hơn 170 Nhà xuất bản danh tiếng và trường đại học lớn trên thế giới. Tổng

kinh phí để mua quyền truy cập và sử dụng CSDL này khoảng 13.000 USD/năm.

Trung tâm đã và đang xây dựng CSDL để hình thành nguồn dữ liệu điện tử, giúp người dùng tin (NDT) có thể truy cập và tìm kiếm thông tin từ xa.

Như vậy, công tác xây dựng CSDL cùng với sự đầu tư và cung cấp các trang thiết bị hiện đại như máy tính điện tử, hệ thống mạng,... đã giúp cho các hoạt động khác của Trung tâm hoạt động có hiệu quả hơn, nâng cao chất lượng phục vụ bạn đọc và thu hút ngày càng lớn người đến sử dụng thư viện.

2.5. Nhận xét việc ứng dụng công nghệ thông tin tại Trung tâm

Thông tin – Thư viện Học viện Ngân hàng

2.5.1. Những kết quả đạt được

Về cơ sở vật chất và trang thiết bị phục vụ bạn đọc có thể thấy khá hoàn chỉnh với toà nhà 7 tầng và tổng số chỗ ngồi phục vụ bạn đọc đã đáp ứng được đông đảo bạn đọc. Thư viện đã có một hệ thống máy tính khá lớn để phục vụ bạn đọc tra tìm tài liệu và truy cập Internet. Có đầy đủ quạt, ánh sáng, bình chữa cháy, máy hút bụi, máy in,...

Thời gian gần đây thư viện đã lựa chọn, đưa vào và sử dụng Phần mềm thư viện điện tử Ilib 4.0 của Công ty TNHH giải pháp phần mềm CMC trong việc quản lý, ở công tác bổ sung, biên mục và tìm kiếm tài liệu bước đầu đã có được những kết quả rất tốt. Các Module được đưa vào hoạt động đã hạn chế rất nhiều những sai sót trong quá trình bổ sung tài liệu, cũng như quá trình vận hành tổ chức phục vụ bạn đọc. Các thao tác được tiến hành theo hướng chuyên nghiệp hóa, do đó tiết kiệm được thời gian và nhân lực. Bộ phận bổ sung đã kiểm soát tốt hơn việc mua trùng tài liệu mới, phân bổ tài liệu mới về các kho phục vụ. Đối với bộ phận biên mục,

các chuẩn nghiệp vụ được thực hiện chặt chẽ hơn, đặc biệt là kiểm soát tính nhất quán trong phân loại, định từ khóa cho tài liệu. Các sản phẩm đầu ra như thư mục chuyên đề, thư mục tài liệu mới, nhãn,... được thực hiện một cách dễ dàng, nhanh chóng.

Đối với Module OPAC, việc tra tìm tài liệu của NDT đã được thực hiện nhưng mức độ đáp ứng chưa cao, vẫn xảy ra tình trạng NDT không mở được trang OPAC. Hiện Công ty CMC và Trung tâm mạng của Học viện đang nghiên cứu tìm hiểu nguyên nhân để khắc phục tình trạng này. Mặt khác, do chưa đưa được trang OPAC lên trang chủ của Học viện nên NDT chưa thể truy cập từ xa vào các CSDL. Đồng thời chưa tạo được kênh thông tin hai chiều trực tuyến giữa thư viện với người dùng tin để kịp thời nắm bắt nhu cầu, điều chỉnh phương thức làm việc đáp ứng nhu cầu của người dùng tin.

Đối với việc quản lí lưu thông, Trung tâm đang tiến hành chuẩn bị các điều kiện để tiến hành lưu thông trên phần mềm như: dán mã vạch cho tài liệu hồi cố, cập nhật dữ liệu người dùng tin vào module Lưu thông trên phần mềm, xây dựng chính sách quản lí lưu thông,...

Song song với việc áp dụng phần mềm thư viện hiện đại trong tất cả các công tác nghiệp vụ, Trung tâm đã bắt đầu hướng đến việc chuẩn bị các điều kiện để xây dựng thư viện số. Các tài liệu quý như: luận án tiến sĩ, công trình NCKH cấp ngành, cấp nhà nước đã được scan toàn văn đối với tài liệu cũ, lưu chiếu file điện tử đối với tài liệu mới. Trung tâm cũng đã tiến hành mua các tài liệu điện tử. Việc xây dựng các cơ sở dữ liệu số hoá đang được nghiên cứu trên cơ sở tìm hiểu kinh nghiệm của các Thư viện đã làm tốt công tác này như: Trung tâm Thông tin – Thư viện Đại học Ngoại thương, Đại học Hà Nội, Đại học Sư phạm, Đại học Bách khoa, Đại học Quốc gia Hà Nội, ...

Phong cách làm việc, tinh thần và thái độ làm việc của cán bộ nhìn chung rất tốt, Trung tâm có đội ngũ cán bộ trẻ, năng động nhiệt tình trong quá trình phục vụ bạn đọc và được bạn đọc đánh giá tốt. Số lượng và chất lượng cán bộ ngày càng củng cố, tăng cường và phát triển mạnh so với một vài năm trước. Hàng năm cán bộ tại thư viện đều được Ban giám đốc tạo điều kiện được tham gia vào các đợt tập huấn chuyên môn, tham gia vào các hội thảo khoa học, và tiếp tục tạo điều kiện để cán bộ có thể học lên cao hơn.

Trung tâm thông tin - thư viện cũng đã và đang thực hiện liên kết với một số Thư viện trường Đại học phía bắc nhằm nâng cao hơn nữa chất lượng và hiệu quả phục vụ bạn đọc được tốt hơn.

2.5.2. Một số hạn chế

Tuy đã được đầu tư cơ sở hạ tầng tương đối tốt, nhưng do mới bước đầu ứng dụng CNTT nên việc khai thác hết tiềm năng còn hạn chế. Việc ứng dụng CNTT trong hoạt động vẫn ở mức ban đầu, chưa phát huy hết hiệu quả.

Hệ thống máy tính của Trung tâm Thông tin – Thư viện hiện tại chỉ mới được kết nối với nhau qua máy chủ của Ngân hàng thực hành, chưa phải là một mạng LAN độc lập. Máy tính được nối mạng Internet nhưng số lượng máy vẫn còn hạn chế chưa đủ phục vụ bạn đọc. Một số máy có cấu hình thấp, thường xuyên bị hư hỏng, không thuận lợi cho những công việc phức tạp.

Chưa xây dựng được một hệ thống thông tin hiện đại, phù hợp với xu thế chung của thời đại và hướng phát triển chung của hệ thống thông tin thư viện trong nước cũng như trên thế giới. Số máy tính phục vụ cho việc tra tìm tài liệu tại Trung tâm vẫn chưa đáp ứng đủ và các máy này lại thường xuyên xảy ra sự cố về mặt kỹ thuật.

Thư viện đã được trang bị cổng từ nhưng chưa được lắp đặt hệ thống camera trong các kho mở để quan sát, theo dõi ra, vào; góp phần giữ gìn an

ninh trật tự, an toàn tài sản, hạn chế việc sinh viên lấy sách như hiện nay và có thể giảm bớt lao động trực tiếp.

CHƯƠNG 3.

MỘT SỐ KIẾN NGHỊ NÂNG CAO HIỆU QUẢ ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN VÀO HOẠT ĐỘNG THÔNG TIN – THƯ VIỆN TẠI TRUNG TÂM THÔNG TIN – THƯ VIỆN HỌC VIỆN NGÂN HÀNG

3.1. Tăng cường đầu tư nâng cấp cơ sở hạ tầng công nghệ thông tin

Quá trình ứng dụng CNTT đặc biệt là phần mềm iLib vào các hoạt động của Trung tâm Thông tin – Thư viện Học viện Ngân hàng mới chỉ bước đầu áp dụng nên vẫn chưa được hoàn thiện. Vì vậy, tôi có một số kiến nghị tới Trung tâm để nâng cao hiệu quả ứng dụng CNTT.

Để nâng cao năng lực phục vụ đáp ứng nhu cầu của người dùng tin, Trung tâm cần có phương hướng, kế hoạch đầu tư phát triển cụ thể, vừa mang tính lâu dài trong việc tăng cường xây dựng cơ sở vật chất trang thiết bị. Đồng thời để phát huy những kết quả đã đạt được trong bước đầu ứng dụng CNTT trong hoạt động thông tin thư viện tại Trung tâm, Ban lãnh đạo Học viện và Ban lãnh đạo Trung tâm cần tăng cường nâng cấp hệ thống mạng và máy tính, quá trình cài đặt và chạy thử nghiệm phần mềm cho thấy hệ thống máy tính và mạng tại Trung tâm và Học viện cần phải được sửa chữa. Ngoài ra cần nâng cấp các máy tính bao gồm cả máy chủ, máy trạm. Các máy tính của Trung tâm gồm nhiều chủng loại, có một số máy của các dự án trước đây để lại, một số máy của các ngân hàng tặng có cấu hình đơn giản, đã sửa chữa và nâng cấp, khi chạy phần mềm ILIB 4.0 của CMC, các thiết bị này và hệ thống mạng LAN đã bộc lộ nhược điểm cần được khắc phục. Đồng thời cần phải có đội ngũ cán bộ tin học chuyên trách để đảm bảo hệ thống vận hành ổn định.

Tiến hành xây dựng trang Web riêng cho Trung tâm vì đây là công kết nối giữa thư viện và bên ngoài để người dùng tin dễ dàng tiếp cận với những sản phẩm và dịch vụ thông tin hơn nữa còn giúp cho

việc hỗ trợ các chương trình giáo dục và đào tạo thông qua việc tổ chức các nguồn tin nội sinh và nguồn tin từ bên ngoài Trung tâm.

Trung tâm cần nâng cấp thêm các trang thiết bị cần thiết cho phòng đa phương tiện, giúp NDT khai thác được tài liệu dạng âm thanh, hình ảnh một cách thuận lợi hơn. Trong quá trình ứng dụng CNTT, Trung tâm cần phải đặc biệt quan tâm tới các thiết bị mạng. Mạng phải có cấu trúc hợp lý và có khả năng mở rộng khi cần thiết về quy mô và số lượng máy. Các đường truyền cáp quang cũng phải đảm bảo chất lượng, truyền tín hiệu nhanh chóng. Đồng thời Trung tâm cũng cần chú ý đến vấn đề nâng cấp máy tính để người dùng tin có thể tra cứu nhanh chóng hơn, thuận tiện hơn tránh mất thời gian.

Do sự hạn hẹp về mặt bằng diện tích phục vụ, số lượng tài liệu của Trung tâm còn quá ít, đặc biệt là trong điều kiện Học viện Ngân hàng bắt đầu đào tạo theo hình thức tín chính vì vậy cần mở rộng diện tích và cơ sở vật chất phục vụ NDT. Tiến hành số hóa những tài liệu quý hiếm, tài liệu ít bản, tài liệu nội sinh mang giá trị khoa học cao và có nhu cầu sử dụng lớn. Đặc biệt là Trung tâm cần khai thác các nguồn tài liệu điện tử được các tổ chức quốc tế cho phép truy cập miễn phí. Điều này sẽ mang lại những ý nghĩa rất quan trọng và hữu ích đối với việc học tập, nghiên cứu, nâng cao trình độ cho cán bộ, giảng viên, sinh viên, ... trong trường.

Nâng cấp hạ tầng cơ sở thông tin: tiến hành sao chép biểu ghi trong các CSDL của các thư viện trên thế giới và trong nước thông qua cổng Z39.50 muốn vậy đòi hỏi hệ thống phải kết nối Internet tại thời điểm truy cập và tải xuống.

Để đảm bảo việc số hóa tài liệu in trên giấy cần phải sử dụng máy quét tài liệu vào máy tính thường tốn thời gian, công sức và chi

phí vì vậy Trung tâm cần đề xuất với nhà trường đầu tư kinh phí để mua phần mềm số hóa dữ liệu và một khoản kinh phí để hoàn thành số hóa dữ liệu.

Trong tương lai với kế hoạch xây dựng thư viện điện tử - thư viện hiện đại, mà để đạt được thì một trong những điều kiện không thể thiếu để chuyển đổi mô hình truyền thống sang mô hình thư viện hiện đại là xây dựng và tạo lập nguồn thông tin điện tử bao gồm những tài liệu và nguồn thông tin được số hóa, được lưu trữ trên các thiết bị như: đĩa từ, đĩa CD – ROM... Kết nối với nguồn tin trên mạng Internet để khai thác xây dựng nguồn tin điện tử, giúp người dùng tin khai thác được nhiều thông tin bổ ích cho quá trình học tập, nghiên cứu và nâng cao trình độ. Điện tử hóa các nguồn thông tin dưới nhiều hình thức khác nhau: CSDL được lưu trữ trên các bộ nhớ máy tính, trên mạng và khai thác theo chế độ trực tuyến.

Trung tâm cần tiến hành khai thác và sử dụng tất cả các module của phần mềm thư viện. Trung tâm nên thường xuyên trao đổi với công ty cung cấp phần mềm thư viện và các cơ quan khác tìm ra các giải pháp phần mềm thích hợp nhất đối với các thư viện ở Việt Nam cũng như Trung tâm mình.

3.2. Tăng cường công tác bồi dưỡng đào tạo kiến thức công nghệ thông tin cho cán bộ và người dùng tin

Có thể nói trình độ và năng lực của cán bộ thông tin – thư viện là những yếu tố vô cùng quan trọng có ảnh hưởng trực tiếp đến chất lượng các dịch vụ được cung cấp cho người dùng tin. Nếu như đội ngũ cán bộ làm công tác thông tin – thư viện vừa yếu về chất lượng và khả năng thích ứng với những đòi hỏi mới của công nghệ hiện đại thì rõ ràng chất lượng phục vụ không thể đáp ứng được yêu cầu ngày càng cao của người dùng tin. Do đó, việc xây dựng thông tin – thư viện hiện đại đòi hỏi người cán bộ thư viện

ngoài những kiến thức chuyên môn còn phải được cập nhật, phát triển và hoàn thiện các năng lực mới như có kiến thức về tin học văn phòng, kiến thức về phần cứng, phần mềm và các thiết bị tin học, biết xử dụng thành thạo máy tính để xử lý, quản lý, khai thác các nguồn tài liệu trong đó có cả nguồn tin điện tử, biết cách cung cấp cho người dùng tin các tài liệu điện tử qua mạng; biết cách phổ biến kiến thức và kỹ năng cho đồng nghiệp và người dùng tin là đội ngũ cán bộ giảng dạy và sinh viên. Khác với trước đây, người cán bộ thư viện ngày nay không chỉ đơn thuần là người lưu giữ và cho mượn tài liệu mà phải là những cán bộ đa năng, có khả năng xử lý, phổ biến, dẫn dắt người dùng tin đến với thông tin cần thiết. Muốn làm được như vậy thì Trung tâm cần:

Trung tâm cần tổ chức các lớp đào tạo, nâng cao kiến thức cho đội ngũ cán bộ đặc biệt là kiến thức tin học chuyên ngành, đủ đáp ứng yêu cầu công việc. Thường xuyên tổ chức cho cán bộ của Trung tâm tham quan học hỏi mô hình làm việc tại các Trung tâm thông tin thư viện trên địa bàn khu vực và trên thế giới.

Ngày nay, với sự phát triển nhanh của công nghệ đòi hỏi các cán bộ phải có các kỹ năng như: Kỹ năng sử dụng các công nghệ đa phương tiện; kỹ năng thu thập và xử lý tài liệu trực tuyến; kỹ năng khai thác dữ liệu và tri thức; kỹ năng tìm tin và tiếp cận thông tin trực tuyến, tương tác mạng thông tin và công nghệ thông tin hiện đại. Chính vì vậy cán bộ thư viện cũng phải tự trau dồi kiến thức, tham gia tìm hiểu trên mạng Internet hoặc các phương tiện thông tin, các lớp tập huấn được tổ chức.

Đồng thời Trung tâm cũng cử các cán bộ đi giao lưu học tập ở các nước phát triển để tiếp thu thêm kinh nghiệm và tri thức tiến bộ giúp Trung tâm hoạt động có hiệu quả và ngày càng phát triển lớn mạnh.

Nguồn lực thư viện sẽ được sử dụng một cách có hiệu quả hơn khi người sử dụng hiểu về các nguồn thông tin, về tổ chức của Trung tâm. Hơn nữa, việc đổi mới ứng dụng CNTT vào hoạt động thông tin thư viện tác động

manh mẽ tới người dùng tin, làm thay đổi thói quen, tập quán thông tin của họ, đồng thời cũng mở ra nhiều khả năng mới giúp cho người dùng tin có thể chủ động tiếp cận các nguồn thông tin phong phú và đa dạng mà họ cần. Do đó, việc cung cấp những kiến thức và kỹ năng cần thiết trong tiếp cận và sử dụng nguồn lực thông tin của Trung tâm cho người dùng tin là nhiệm vụ không thể thiếu được của người cán bộ làm công tác thông tin thư viện. Đặc biệt khi việc truy cập thông tin điện tử ngày càng gia tăng, nhất là qua mạng Internet thì việc hướng dẫn sử dụng thư viện lại càng cần thiết. Hoạt động này bao gồm: các buổi nói chuyện, giới thiệu về Trung tâm với các sản phẩm dịch vụ mà Trung tâm cung cấp cho NDT, phương pháp tra cứu tìm kiếm trên máy tính, trên mạng thông tin diện rộng, cách sử dụng các thiết bị nghe nhìn của Trung tâm,... hoạt động này đặc biệt quan trọng đối với những NDT lần đầu sử dụng thư viện.

3.3. Tăng cường công tác quản lý, nâng cao nhận thức bảo vệ cơ sở vật chất của Trung tâm Thông tin - Thư viện Học viện Ngân hàng

Bên cạnh việc nâng cao trình độ cho đội ngũ cán bộ, việc đào tạo người dùng tin thì Trung tâm cũng cần quan tâm đến công tác quản lý đây là việc làm cần thiết. Vấn đề quản lý có vai trò vô cùng quan trọng trong hoạt động của một cơ quan tổ chức. Người quản lý là người đứng đầu để đưa ra các chính sách để phát triển các hoạt động của thư viện mình.

Trung tâm nên tăng cường công tác quản lý, đưa ra các quy định, các hướng dẫn nhằm giáo dục người dùng tin có ý thức bảo vệ tài sản của thư viện mình vì những tài sản của thư viện là tài sản chung có giá trị lớn cần phải giữ gìn.

Tổ chức các lớp hướng dẫn sử dụng thư viện nhằm mục đích tạo ý thức trách nhiệm giữ gìn, bảo vệ trang thiết bị tài sản của Trung tâm trong ý thức của sinh viên và người dùng tin của thư viện.

KẾT LUẬN

Ngày nay, thông tin khoa học và công nghệ được coi là chìa khóa của mọi hoạt động sáng tạo, là yếu tố thiết yếu của năng lực đổi mới, cạnh tranh và phát triển của mọi tập thể, đơn vị, cá nhân và toàn thể quốc gia. Nhiều nước trên thế giới đều ý thức được tầm quan trọng của thông tin và xếp thông tin vào loại nguồn lực quan trọng nhất cho sự phát triển của cả nền kinh tế và toàn xã hội.

Hoạt động thư viện là hoạt động rất quan trọng trong sự nghiệp văn hóa, nhằm góp phần nâng cao dân trí, đào tạo nhân lực, bồi dưỡng nhân tài cho đất nước và đáp ứng nhu cầu của toàn nhân dân. Hơn nữa, hiện nay trên thế giới, cuộc cách mạng khoa học kỹ thuật đang phát triển mạnh mẽ, khối lượng kiến thức qua từng ngày từng giờ tăng lên một cách nhanh chóng với tốc độ chóng mặt. Do vậy mà hoạt động thông tin tư liệu đang được tất cả các nước quan tâm, đặc biệt khi hiện nay cuộc cách mạng thông tin đang dẫn tới sự hình thành một xã hội thông tin toàn cầu. Chính vậy, trong những năm gần đây, hoạt động thư viện ở nước ta đã được nhiều ngành, nhiều cấp quan tâm đầu tư xây dựng, củng cố nên ngày càng phát huy hiệu quả, tác động tích cực đến mọi mặt của đời sống xã hội.

Để đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của người dùng tin và theo kịp với sự phát triển của xã hội thì Trung tâm Thông tin – Thư viện Học viện Ngân hàng đã đầu tư trang thiết bị tin học và ứng dụng CNTT trong hoạt động của thư viện mình. Bằng việc đầu tư và ứng dụng CNTT thì hoạt động của Trung tâm đã có những bước chuyển biến tích cực góp phần phổ biến thông tin tới người dùng tin, tăng cường giao lưu trao đổi nguồn tài liệu làm phong phú và đa dạng hóa các nguồn thông tin, đổi mới phương thức phục vụ. Bên cạnh đó thì vẫn còn một số hạn chế cần khắc phục. Nhưng có thể khẳng định rằng việc ứng dụng CNTT trong hoạt động thông tin thư viện của Trung tâm đã

có sự phát triển vượt bậc mở ra một tương lai tươi sáng cho ngành thư viện nói chung và Trung tâm nói riêng. Đặc biệt từ khi ứng dụng phần mềm quản trị thư viện iLib của Công ty TNHH giải pháp phần mềm CMC với những tính năng ưu việt, phù hợp với điều kiện của Trung tâm thì đã đem lại hiệu quả cao mang tính chất bước ngoặt cho hoạt động của Trung tâm. Trung tâm còn có đội ngũ cán bộ trẻ, năng động, có trình độ chuyên môn và có một cơ cấu tổ chức hợp lý, hoạt động của Trung tâm đã và đang đạt được những thành tựu đáng kể.

Với sự nỗ lực của cán bộ Trung tâm và sự đầu tư quan tâm của Ban lãnh đạo Học viện, Trung tâm Thông tin – Thư viện Học viện Ngân hàng đang tiếp tục đẩy mạnh ứng dụng CNTT, phát huy các thế mạnh và khắc phục các mặt tồn tại để phát triển Trung tâm thành thư viện điện tử trong một thời gian không xa nữa.

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Nghị Quyết 49/CP của Chính Phủ
2. Quyết định số 81/2001/QĐ-TTg phê duyệt Chương trình hành động triển khai chỉ thị 58-CT/TW của bộ Chính trị.
3. Cẩm nang nghề thư viện/ Lê Văn Viết.- H.: Văn hóa thông tin, 2000.- 630tr.
4. Đổi mới và hoàn thiện hoạt động Thông tin – Thư viện phục vụ công tác đào tạo và nghiên cứu khoa học của Học viện Ngân hàng/ Bùi Sỹ Hùng, Nguyễn Thu Hiền, Đinh Thanh Huyền.- H.: Học viện Ngân hàng, 2003.- 106tr.
5. Giáo trình biên mục mô tả/ Vũ Văn Sơn.- H.: Đại học Quốc gia Hà Nội, 2000
6. Sản phẩm và dịch vụ Thông tin – Thư viện/ Trần Mạnh Tuấn.- H.: Trung tâm thông tin tư liệu khoa học công nghệ Quốc gia, 1998.- 324tr.
7. Tài liệu hướng dẫn sử dụng phần mềm thư viện điện tử iLib.- H.: Công ty THHH giải pháp phần mềm CMC, 2007.- 174tr.
8. Thông tin học đại cương/ Đoàn Phan Tân.- H.: ĐHQGHN, 2001.- 296tr.
9. Tự động hóa công tác thông tin thư viện/ Đỗ Văn Hùng.- H.: ĐHQGHN, 2004.- 67tr.
- 10.UNIMARC và MARC 21/ Vũ Văn Sơn// Bản tin hội thông tin – tư liệu khoa học và công nghệ Việt Nam.- Số 1.- 2001.- tr. 2-3
- 11.Ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động Thông tin – Thư viện tại Trung tâm Thông tin – Thư viện Trường Đại học sư phạm Hà Nội (Khóa luận tốt nghiệp)/ Phan Thị Hương.- H.: ĐHKHXH&NV, 2008.- 66tr.
12. Tìm hiểu ứng dụng phần mềm quản trị thư viện ILIB tại Trung tâm Thông tin – Thư viện Trường Đại học Ngoại thương Hà Nội (Khóa luận tốt nghiệp)/ Vũ Kim Trang.- H.: ĐHKHXH&NV, 2010.- 63tr.

13. Tài liệu hướng dẫn sử dụng ILIB/ Công ty THHH giải pháp phần mềm CMC.- H., 2007.- 175tr.

14. Xu hướng phát triển của thư viện trong 20 năm tới và phương hướng đào tạo cho thư viện Việt Nam/ Lê Văn Viết// Tạp chí thông tin tư liệu.- Số 1.- 1999

15. Websits của Học viện Ngân hàng:

URL: <http://www.hvnh.edu.vn/branch/37/432>

16. Phần mềm quản lý thư viện điện tử:

URL: <http://www.vnnetsoft.com/>

17. Bách khoa toàn thư mở:

URL: http://vi.wikipedia.org/wiki/C%C3%B4ng_ngh%E1%BB%87_th%C3%B4ng_tin

LỜI CẢM ƠN

Lời đầu tiên em xin bày tỏ lòng cảm ơn chân thành và sâu sắc tới TS. Nguyễn Viết Nghĩa, người đã tận tình chỉ bảo, hướng dẫn em hoàn thành khóa luận.

Em cũng gửi lời cảm ơn tới các Thầy, cô giáo trong Khoa Thông tin – Thư viện Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn đã trang bị cho em sự chắc chắn về kiến thức, về cách trở thành một người cán bộ thư viện thế nào cho đúng, rèn luyện cho em lòng yêu nghề, về cách làm người, cách đối nhân xử thế trong suốt 4 năm học tập và nghiên cứu.

Đồng thời em cũng xin cảm ơn các cô chú, anh chị cán bộ Trung tâm Thông tin – Thư viện Học viện Ngân hàng đã giúp đỡ và tạo điều kiện thuận lợi trong quá trình em tìm hiểu để hoàn thành tốt bài khóa luận.

Mặc dù đã có nhiều cố gắng, song kiến thức còn non trẻ và hạn chế về mặt thời gian, trình độ chuyên môn nghiệp vụ cũng như kinh nghiệm thực tế còn hạn chế nên khóa luận không tránh khỏi những hạn chế và thiếu sót. Rất mong sự đóng góp của quý thầy, cô và các bạn để bài khóa luận của em được hoàn chỉnh hơn.

Em xin chân thành cảm ơn!

Hà Nội, tháng 5 năm 2011

Sinh viên thực hiện

Trương Thị Hương

DANH MỤC CÁC TỪ VIẾT TẮT

Từ viết tắt	Tên đầy đủ	Nghĩa dịch
AACR	Anglo – American Cataloguing Rules	Quy tắc biên mục Anh – Mỹ
ADSL	Asymmetric Digital Subscriber Line	Đường dây thuê bao số bất đối xứng
CNTT	Công nghệ thông tin	
CD- ROM	Compact Disc Read Only Memory	
CSDL	Cơ sở dữ liệu	Bộ nhớ chỉ đọc dùng cho đĩa Compac
DVD	Digital Video Disc	Định dạng lưu trữ đĩa quang
DDC	Dewey Decimal Classification	Phân loại thập phân Dewey
ĐKCB	Đăng ký cá biệt	
LAN	Local Area Network	Mạng cục bộ
MARC	Machine – Readable Cataloguing	Thư mục đọc máy
NDT	Người dùng tin	
NCKH	Nghiên cứu khoa học	
ISBD	International Standard Bibliographic Description	Tiêu chuẩn quốc tế mô tả thư mục

ILIB	Intergrated Library	Phần mềm thư viện điện tử tích hợp
Trung tâm	Trung tâm Thông tin – Thư viện Học viện Ngân hàng	
OPAC	Online Public Access Cataloguing	Mục lục truy cập công cộng trực tuyến
Z39.50		Chuẩn dùng để trao đổi thông tin về sách giữa các thư viện

MỤC LỤC

LỜI MỞ ĐẦU	1
1. Tính cấp thiết của đề tài	1
2. Mục đích nghiên cứu	2
3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu	2
4. Phương pháp nghiên cứu	2
5. Tình hình nghiên cứu theo hướng đề tài	3
6. Đóng góp về lý luận và thực tiễn của khóa luận	4
7. Bố cục bài khóa luận.....	4
CHƯƠNG 1. MỘT SỐ VẤN ĐỀ CHUNG LÝ LUẬN VỀ CÔNG NGHỆ THÔNG TIN.....	6
1.1. Một số khái niệm cơ bản.....	6
<i>1.1.1. Khái niệm công nghệ thông tin</i>	<i>6</i>
<i>1.1.2. Khái niệm phần cứng.....</i>	<i>6</i>
<i>1.1.3. Khái niệm phần mềm</i>	<i>6</i>
<i>1.1.4. Các bộ phận cấu thành của công nghệ thông tin.....</i>	<i>7</i>
1.2. Vai trò của công nghệ thông tin trong hoạt động thông tin thư viện	7
1.3. Vài nét về ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác thông tin thư viện trên thế giới và tại Việt Nam.....	10
CHƯƠNG 2. ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN TẠI TRUNG TÂM THÔNG TIN – THƯ VIỆN HỌC VIỆN NGÂN HÀNG	12
2.1. Giới thiệu về Trung tâm Thông tin – Thư viện Học viện Ngân hàng	12
<i>2.1.1. Quá trình hình thành và phát triển của Trung tâm Thông tin Thư viện Học viện Ngân hàng</i>	<i>12</i>
<i>2.1.2. Chức năng, nhiệm vụ của Trung tâm Thông Tin - Thư Viện Học viện Ngân Hàng.....</i>	<i>14</i>

<i>2.1.3. Cơ cấu tổ chức, đội ngũ cán bộ của Trung tâm Thông tin Thư viện Học viện Ngân Hàng.....</i>	<i>15</i>
<i>2.1.3. Người dùng tin của Trung tâm Thông tin Thư viện Học viện Ngân Hàng</i>	<i>17</i>
<i>2.1.5. Nguồn lực thông tin của Trung tâm Thông tin – Thư viện Học viện Ngân Hàng</i>	<i>18</i>
<i>2.2. Yêu cầu cấp thiết phải ứng dụng công nghệ thông tin tại Trung tâm Thông tin – Thư viện Học viện Ngân Hàng.....</i>	<i>21</i>
<i>2.3. Quá trình ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động thông tin thư viện tại Trung tâm Thông tin – Thư viện Học viện Ngân hàng.....</i>	<i>24</i>
<i>2.4. Một số thành tựu ứng dụng công nghệ thông tin tại Trung tâm Thông tin - Thư viện Học viện Ngân Hàng.....</i>	<i>28</i>
<i>2.4.1. Xây dựng hạ tầng công nghệ thông tin tại Trung tâm Thông tin – Thư viện Học viện Ngân Hàng.....</i>	<i>28</i>
<i>2.4.2. Khổ mẫu biên mục đọc máy MARC.....</i>	<i>30</i>
<i>2.4.3. Ứng dụng phần mềm iLib 4.0 của Công ty trách nhiệm hữu hạn giải pháp phần mềm CMC.....</i>	<i>34</i>
<i>2.4.3.1. Ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý.....</i>	<i>38</i>
<i>2.4.3.2. Ứng dụng công nghệ thông tin trong bổ sung, xử lý tài liệu và phục vụ người đọc</i>	<i>44</i>
<i>2.4.3.3. Ứng dụng công nghệ thông tin trong việc xây dựng CSDL</i>	<i>55</i>
<i>2.5. Nhận xét việc ứng dụng công nghệ thông tin tại Trung tâm Thông tin – Thư viện Học viện Ngân hàng.....</i>	<i>57</i>
<i>2.5. 1. Những kết quả đạt được</i>	<i>57</i>
<i>2.5.2. Một số hạn chế</i>	<i>59</i>

CHƯƠNG 3. MỘT SỐ KIẾN NGHỊ NÂNG CAO HIỆU QUẢ ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN VÀO HOẠT ĐỘNG THÔNG TIN THƯ VIỆN TẠI TRUNG TÂM THÔNG TIN – THƯ VIỆN HỌC VIỆN NGÂN HÀNG.....	61
3.1. Tăng cường đầu tư nâng cấp cơ sở hạ tầng công nghệ thông tin....	61
3.2. Tăng cường công tác bồi dưỡng đào tạo kiến thức công nghệ thông tin cho cán bộ và người dùng tin	63
3.3. Tăng cường công tác quản lý, nâng cao nhận thức bảo vệ cơ sở vật chất của Trung tâm Thông tin - Thư viện Học viện Ngân hàng	65
KẾT LUẬN	66
DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO.....	68